QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN ĐƯỢC MÔ TẢ TRONG BẢN CÁO BẠCH NÀY LÀ QUỸ ĐƯỢC THÀNH LẬP THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 144/2003/NĐ-CP NGÀY 28/11/2003, VÀ CÁC VĂN BẢN HƯỚNG DẪN THI HÀNH. BẢN CÁO BẠCH NÀY ĐÃ ĐƯỢC ĐĂNG KÝ VỚI ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC NGÀY 24 THÁNG 03 NĂM 2004.

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP PHÉP THÀNH LẬP QUỸ VÀ PHÁT HÀNH CHỨNG CHỈ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC LẬP QUỸ VÀ PHÁT HÀNH CHỨNG CHỈ QUỸ ĐÃ THỰC HIỆN THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN, KHÔNG HÀM Ý BẢO ĐẢM VỀ NỘI DUNG CỦA BẢN CÁO BẠCH CŨNG NHƯ MỤC TIÊU, CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ CỦA QUỸ.

BẢN CÁO BẠCH

QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM (VF1)

(Giấy phép lập Quỹ đầu tư chứng khoán và phát hành chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 24 tháng 03 năm 2004)

Ngày đăng ký của Bản cáo bạch: 24 tháng 03 năm 2004

PHÁT HÀNH CHỨNG CHỈ QUỸ ĐẦU TƯ RA CÔNG CHÚNG CỦA QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM (VF1)

BẢN CÁO BẠCH NÀY SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI:

- Trụ sở chính tại Thành phố Hồ Chí Minh

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam (VFM)
Lầu 8 - Tòa nhà Bitexco -
19 - 25 Nguyễn Huệ - P. Bến Nghé - Quận 1
TP. HCM - Việt Nam
Tel: (84.8) 9143393
Fax: (84.8) 9143392
Email: info@vinafund.com
Website: www.vinafund.com

- Địa chỉ Văn phòng Hà nội:

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam (VFM)
Lầu 15 - Tòa nhà Vietcombank
198 Trần Quang Khải - Quận Hoàn Kiếm
Hà Nội - Việt Nam
Tel: (84.4) 9361613
Fax: (84.4) 9360204

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Ông : **TRẦN THANH TÂN**
Địa chỉ : Công ty Liên Doanh Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam (VFM)
Lầu 8, Tòa nhà Bitexco, 19-25 Nguyễn Huệ, P. Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM, Việt Nam

MỤC LỤC

I. CÁC ĐỊNH NGHĨA 1
II. CÁC CƠ HỘI ĐẦU TƯ 4
1. Tổng quan về kinh tế Việt Nam 4
2. Thị trường chứng khoán Việt Nam 7
3. Cơ hội từ chương trình cổ phần hoá 9
4. Các chính sách ưu đãi về thuế 10
III. CÁC YẾU TỐ RỦI RO 11
1. Khả năng thanh khoản 12
2. Cạnh tranh 12
3. Điều kiện pháp lý 12
4. Những tiêu chuẩn về kế toán, kiểm toán và báo cáo tài chính 13
5. Xung đột về lợi ích giữa các quỹ đầu tư và các sản phẩm tài chính khác 13
6. Rủi ro tín dụng 13
7. Rủi ro tiền tệ 14
8. Rủi ro thị trường 14
9. Rủi ro quản lý 14
IV. MỤC TIÊU VÀ CHÍNH SÁCH ĐẦU TƯ 14
1. Mục tiêu đầu tư 14
2. Chính sách đầu tư 15
3. Hạn chế trong đầu tư 16
4. Quy trình đầu tư và ra quyết định đầu tư 16
5. Sự tăng giá và thanh hoán các khoản đầu tư 18
V. PHÍ, LỆ PHÍ VÀ THƯỞNG HOẠT ĐỘNG 19
1. Phí đăng ký mua chứng chỉ quỹ 19
2. Phí thường niên 19
3. Thưởng hoạt động 20
VI. QUY TRÌNH XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ ĐẦU TƯ VF1 22
1. Thời gian thực hiện việc định giá 22
2. Nguyên tắc thực hiện việc định giá giá trị tài sản ròng (NAV) 22
3. Kế hoạch phân chia lợi nhuận Quỹ đầu tư VF1 23
VII. BAN ĐẠI DIỆN QUỸ ĐẦU TƯ VF1, CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ, NGÂN HÀNG GIÁM SÁT VÀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN 23
1. Ban đại diện Quỹ đầu tư VF1 24
2. Công ty quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam (VFM) 24
3. Ngân hàng giám sát 31
4. Công ty kiểm toán 31
5. Công ty tư vấn luật 31
VIII. CÁC THÔNG TIN VỀ QUỸ ĐẦU TƯ VF1 32
1. Quá trình thành lập 32
2. Lịch trình huy động vốn 32
3. Quyền và nghĩa vụ của người đầu tư 32
4. Tính chất của Quỹ đầu tư VF1 33
5. Các báo cáo tài chính 33
6. Điều lệ của Quỹ đầu tư VF1 33
7. Lưu giữ hồ sơ 34
IX. PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH CHỨNG CHỈ QUỸ ĐẦU TƯ VF1 35
1. Căn cứ pháp lý 35
2. Phương án phát hành 35
3. Các đối tác có liên quan đến việc phát hành 36
X. TÓM TẮT CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN 36
XI. PHỤ LỤC 37

I. CÁC ĐỊNH NGHĨA

Những từ dưới đây được định nghĩa và sẽ được dùng trong suốt bản cáo bạch này:

"Quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam"	(Sau đây là Quỹ đầu tư Chứng khoán có phát hành chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng và gọi tắt là VF1) là Quỹ đầu tư chứng khoán có mức vốn góp của các người đầu tư ban đầu 300 tỷ đồng được thành lập theo Nghị định 144/2003/NĐ-CP ban hành ngày 28 tháng 11 năm 2003 và các văn bản pháp luật có liên quan của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam, chịu sự quản lý về mặt hành chính của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN).
"Công ty Liên doanh Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam - VietFund Management (VFM)"	(Sau đây gọi tắt là công ty quản lý quỹ VFM) là một liên doanh giữa công ty Dragon Capital Management và ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín, được thành lập theo giấy phép số 01/GPĐT-UBCKNN ngày 15 tháng 7 năm 2003 cấp bởi UBCKNN. Công ty quản lý quỹ VFM là công ty quản lý quỹ chính thức của Quỹ đầu tư VF1.
"Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín - Sacombank"	(Sau đây gọi tắt là ngân hàng Sacombank) là ngân hàng thương mại cổ phần, được thành lập theo giấy phép số 0006/NH-GP ngày 05/12/1991 cấp bởi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo luật ngân hàng Việt Nam, là đối tác liên doanh trong công ty quản lý quỹ VFM và là sáng lập viên của Quỹ đầu tư VF1.
"Dragon Capital Management Limited"	(Sau đây gọi tắt là DCM) là công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo luật của British Virgin Islands thuộc Dragon Capital Group, là đối tác liên doanh trong công ty quản lý quỹ VFM và là sáng lập viên của Quỹ đầu tư VF1.
"Ngân hàng giám sát – Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - Vietcombank"	(Sau đây gọi tắt là ngân hàng giám sát), là ngân hàng thực hiện các nghiệp vụ: bảo quản, lưu ký các chứng khoán, các hợp đồng kinh tế, các chứng từ có liên quan đến tài sản của Quỹ đầu tư VF1, thực hiện việc định giá giá trị tài sản ròng của Quỹ đầu tư VF1 đồng thời giám sát hoạt động của Quỹ đầu tư VF1 và công ty quản lý quỹ VFM theo giấy phép số 14/GPHĐLK cấp ngày 02 tháng 05 năm 2003 bởi Uỷ Ban Chứng khoán Nhà nước.
"Công ty kiểm toán – Công ty Ernst & Young"	(Sau đây gọi tắt là công ty kiểm toán), là công ty kiểm toán độc lập của Quỹ đầu tư VF1, thực hiện việc kiểm toán hàng năm tài sản của Quỹ đầu tư VF1 theo giấy phép số 75/QĐ-UBCK cấp ngày 8/07/2002 bởi UBCKNN.
"Bản cáo bạch"	Là bản thông cáo của tổ chức phát hành về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh và phương án sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành nhằm cung cấp thông tin cho công chúng đánh giá và đưa ra các quyết định đầu tư chứng khoán.

"Điều lệ"	Điều lệ Quỹ đầu tư VF1 được các người đầu tư thông qua tại Đại hội người đầu tư. Trong lần huy động quỹ đầu tiên, điều lệ được soạn thảo phù hợp với các văn bản pháp lý có liên quan tại Việt Nam.
"Hợp đồng giám sát"	Là hợp đồng được ký kết giữa công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát Vietcombank được thông qua bởi Đại hội Người đầu tư của Quỹ đầu tư VF1.
"Quỹ đầu tư chứng khoán đóng"	(Sau đây gọi tắt là quỹ đóng) là quỹ đầu tư chứng khoán trong đó người đầu tư không được quyền bán lại chứng chỉ quỹ đầu tư cho quỹ trước thời hạn kết thúc hoạt động hoặc giải thể.
" Người đầu tư"	Là cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài đầu tư vào Quỹ đầu tư VF1.
"Đại hội người đầu tư"	Là đại hội của người đầu tư có quyền biểu quyết được tổ chức thường kỳ hoặc bất thường để thông qua các vấn đề quan trọng có liên quan đến Quỹ đầu tư VF1. Đại hội người đầu tư là cơ quan quyền lực cao nhất của Quỹ đầu tư VF1.
"Ban đại diện Quỹ"	Là những người đại diện cho người đầu tư được Đại hội người đầu tư bầu ra để thay mặt người đầu tư thực hiện việc giám sát các hoạt động của Quỹ đầu tư VF1, công ty quản lý quỹ VFM và ngân hàng giám sát.
"Vốn điều lệ Quỹ"	Là số tổng vốn bằng tiền do tất cả Người đầu tư thực góp và được ghi trong Điều lệ này.
"Đơn vị quỹ"	Là vốn điều lệ quỹ được chia thành nhiều phần bằng nhau với mệnh giá 10.000 đồng/ đơn vị.
"Chứng chỉ Quỹ đầu tư VF1"	(Sau đây gọi là chứng chỉ) là chứng chỉ hoặc bút toán ghi sổ do công ty quản lý quỹ VFM đại diện cho Quỹ đầu tư VF1 phát hành, xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người đầu tư đối với tài sản hoặc vốn của Quỹ đầu tư VF1 theo tỷ lệ tương ứng với số đơn vị quỹ của người đầu tư đó trong vốn điều lệ của Quỹ đầu tư VF1.
"Giá phát hành"	Là giá của mỗi đơn vị quỹ được phát hành lần đầu tương đương mệnh giá của đơn vị quỹ cộng với phí đặt mua là 300 đồng/đơn vị.
"Cổ tức Quỹ"	Là số lợi nhuận còn lại của Quỹ sau khi trừ đi các chi phí hợp lệ và được Đại hội Người đầu tư quyết định chia theo tỷ lệ sở hữu của Người đầu tư.
"Ngày đóng quỹ"	Là ngày kết thúc việc huy động vốn cho quỹ đầu tư VF1 được UBCKNN chấp thuận.

"Năm tài chính"	Là mười hai tháng tính từ đầu ngày 1 tháng 1 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ đầu tư VF1 sẽ được tính từ ngày Quỹ đầu tư VF1 được UBCKNN cấp giấy phép hoạt động chính thức cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó.
"Giá trị tài sản ròng của quỹ"	Là tổng giá trị các tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ đầu tư VF1 sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ của Quỹ đầu tư VF1 tại thời điểm định giá.
"Thời điểm định giá"	Ngày làm việc cuối cùng mỗi tháng hoặc những ngày khác mà Ban đại diện Quỹ đầu tư VF1 xác định để định giá giá trị tài sản ròng của Quỹ đầu tư VF1.
"Thưởng hoạt động"	Là khoản thưởng được Quỹ đầu tư VF1 trả thêm cho công ty quản lý quỹ VFM ngoài phí quản lý. Thưởng hoạt động được trình bày chi tiết tại Điều 3 - Phần V của bản cáo bạch này.
"Người liên quan"	Được hiểu theo khái niệm Người liên quan tại Nghị định 144/2003/NĐ-CP ban hành ngày 28 tháng 11 năm 2003 và các tổ chức có cùng một thành viên hoặc nhóm thành viên nắm giữ hoặc cùng nắm giữ từ 10% trở lên vốn chủ sở hữu có quyền biểu quyết.
"Các định nghĩa khác"	Các định nghĩa khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Nghị định 144/2003/NĐ-CP ban hành ngày 28 tháng 11 năm 2003 của Thủ Tướng Chính phủ và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

II. CÁC CƠ HỘI ĐẦU TƯ

1. Tổng quan về kinh tế Việt Nam

Từ khi Việt Nam chuyển đổi nền kinh tế từ kế hoạch tập trung bao cấp sang kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo chính sách Đổi mới năm 1986, kinh tế Việt Nam đã có nhiều bước khởi sắc và đã thành công trong việc thực hiện điều chỉnh hệ thống kinh tế, tốc độ tăng trưởng cao hàng năm và đặc biệt là sự ổn định về chính trị so với nhiều quốc gia trong khu vực.

1.1. Việt Nam là một trong hai nước có GDP tăng trưởng cao nhất thế giới

Trong báo cáo về kinh tế Đông Á của Ngân hàng Thế giới (WB), Việt Nam được xếp vào hàng các nước chính trong khu vực Đông Á với tốc độ tăng trưởng kinh tế trong năm 2003 là 7,24%, chỉ xếp sau Trung Quốc *(xem biểu đồ 1)*. Những thành quả của công cuộc cải cách kinh tế toàn diện đã giúp cho việc tăng trưởng kinh tế liên tục và ổn định trong suốt 10 năm qua (1994 – 2003) với tỷ lệ tăng tổng sản phẩm quốc nội (GDP) trung bình hàng năm là 7,4% *(xem biểu đồ 2)*.

Biểu đồ 1: Tăng trưởng GDP của các nước

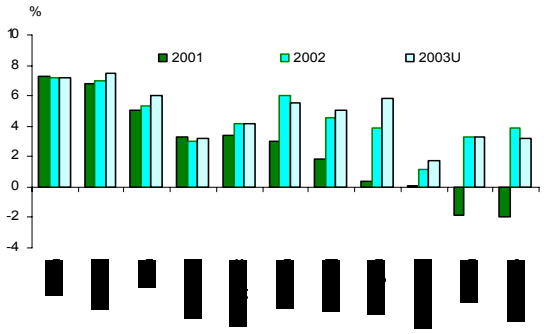

Biểu đồ 2: GDP của Việt Nam qua các năm

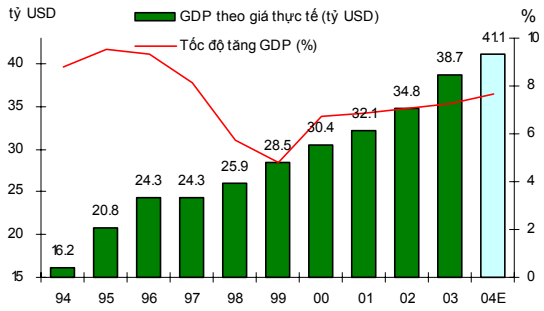

(Nguồn: Tổng Cục thống kê)

1.2. Xuất khẩu gia tăng mạnh hàng năm

Năm 2003 ghi nhận sự tăng trưởng kỷ lục trong ba năm qua của hoạt động xuất khẩu với tổng giá trị đạt 19,8 tỷ USD, tăng 18,8% so với năm 2002. Như vậy, tốc độ tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu trung bình trong 10 năm từ 1994 cho đến nay là 21,4% và thị trường ngày càng đa dạng hóa. Mặc dù phải đối mặt với hạn ngạch và mức thuế tăng cho một số mặt hàng tại thị trường Hoa Kỳ, thị trường này đã trở thành thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam, chiếm trên 20% kim ngạch xuất khẩu, tiếp đến là EU 19%, Nhật Bản trên 13%, Trung Quốc 7,5%, Singapore 5% *(xem biểu đồ 3)*. Kết quả này là minh chứng rõ ràng rằng hàng hóa Việt Nam đã đủ sức cạnh tranh và khẳng định được vị trí trên thị trường quốc tế.

Biểu đồ 3: Thị trường xuất khẩu của Việt Nam

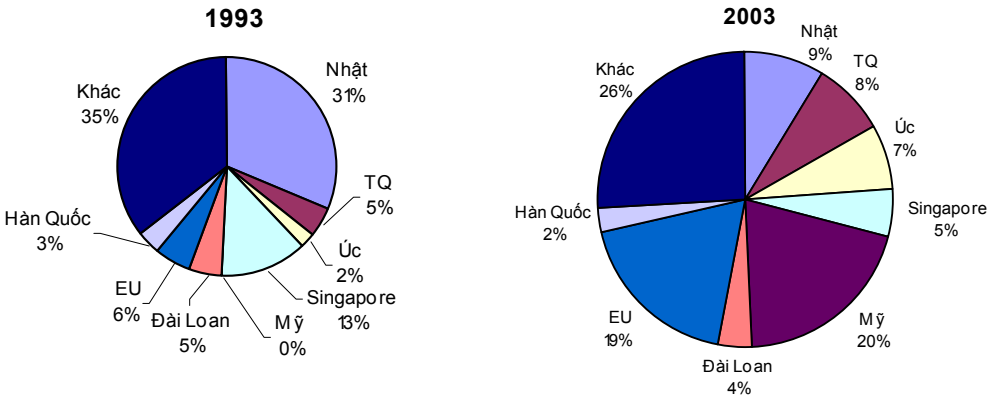

Kim ngạch xuất khẩu: 3 tỷ USD **Kim ngạch xuất khẩu: 19,8 tỷ USD**

(Nguồn: Tổng Cục thống kê)

1.3. Nguồn vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài (FDI) vào Việt Nam tăng trưởng ổn định

Trong thời gian gần đây, một tín hiệu lạc quan cho kinh tế Việt Nam là đầu tư trực tiếp của nước ngoài (FDI) vào Việt Nam đang có dấu hiệu phục hồi tốt sau khi bị tụt giảm từ khoảng năm 1995-1998 do cuộc khủng hoảng tài chính của các nước châu Á mà bắt đầu từ Thái Lan vào thời điểm tháng 7/1997 *(xem biểu đồ 4)*. Trong năm 2003, số vốn cam kết FDI vào Việt Nam đạt khoảng 3 tỷ USD, tăng 30% so với năm 2002. Như vậy, lượng vốn FDI tăng khoảng 178 lần trong vòng 13 năm từ 230 triệu USD năm 1990 lên hơn 41 tỷ USD vào năm 2003. Chính nguồn vốn FDI này đã đóng góp trên 20% GDP của Việt Nam trong năm 2000 và khoảng 30% vào năm 2003 *(xem biểu đồ 5)*.

Biểu đồ 4: Số vốn FDI đăng ký mới

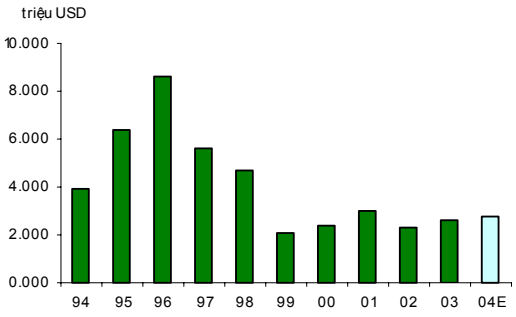

Biểu đồ 5: Đóng góp của DN FDI vào GDP

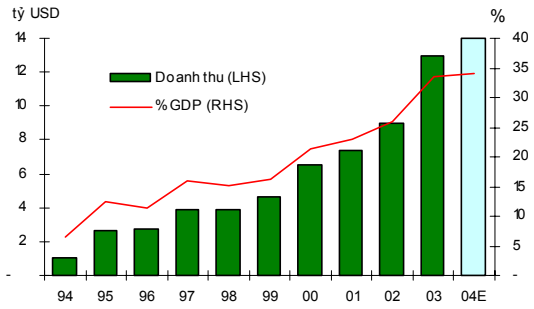

(Nguồn: Tổng Cục thống kê)

1.4. Luật pháp đang hoàn thiện dần

Về khía cạnh luật pháp, Việt Nam đã có những cải cách rất đáng khích lệ, tạo một hành lang pháp lý đầy đủ và ổn định cho việc đầu tư. Từ đầu năm 2000, việc cổ phần hóa (CPH) và những sự thay đổi về luật pháp đã chấm dứt sự độc quyền trong xuất khẩu - nhập khẩu, hàng hải, in ấn, giáo dục, địa ốc, y tế, các dịch vụ tài chính, công nghệ thông tin và đang mở rộng ra đối với ngành sản xuất và cung cấp điện,

nước… Ngoài ra, luật thuế được cải cách, thuế giá trị gia tăng được áp dụng để thay thế thuế doanh thu.

Nghị định 48/1998/NĐ-CP ban hành ngày 11 tháng 07 năm 1998 về Chứng khoán và Thị trường chứng khoán (TTCK) đã đặt nền móng cho sự thành lập TTCK và dành nhiều ưu đãi về thuế cho các công ty niêm yết cũng như các định chế tham gia thị trường. Và gần đây nhất, Nghị định 144/2003/NĐ-CP ban hành ngày 28 tháng 11 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về Chứng khoán và TTCK một lần nữa khẳng định quyết tâm của Chính phủ trong việc hỗ trợ và thúc đẩy sự phát triển của TTCK Việt Nam.

Việc cải cách trong hệ thống ngân hàng đã đưa đến việc hợp nhất hoặc đóng cửa hơn 10% các ngân hàng cổ phần. Song song đó, Luật Doanh nghiệp được ban hành đã thật sự tạo nhiều điều kiện hơn cho các thành phần kinh tế tư nhân phát triển. Trong gần 4 năm qua, trung bình mỗi tháng có khoảng 1.600 doanh nghiệp mới được thành lập. Tính đến nay, đã có khoảng 75.000 doanh nghiệp mới ra đời *(xem biểu đồ 6)* với tổng số vốn đăng ký hơn 145.000 tỷ đồng (tương đương 9,5 tỷ USD, cao hơn cả số vốn đầu tư nước ngoài đăng ký cùng thời kỳ).

Biểu đồ 6: Số doanh nghiệp tư nhân thành lập

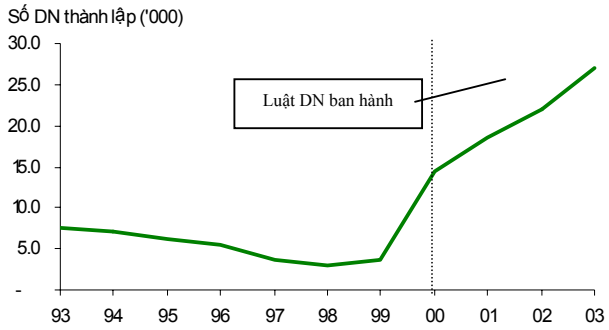

(Nguồn: Tổng Cục thống kê)

Chỉ số lạm phát kỷ lục 500% của những năm đầu cải cách 1987 cho đến nay đã được kiểm soát chỉ còn khoảng 3%. Chính phủ Việt Nam mạnh dạn thay đổi chính sách về tài chính như mở rộng quyền tự chủ tài chính cho các doanh nghiệp, cải cách hệ thống ngân hàng, chính sách lãi suất linh hoạt… Tất cả những yếu tố trên là tiền đề cho sự tăng trưởng bền vững và ổn định của nền kinh tế Việt Nam. Theo Ngân hàng Thế giới (WB) và Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) nhận định, tốc độ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam sẽ tiếp tục duy trì trong năm 2004 và nhiều năm sau đó. Trong bối cảnh kinh tế quốc tế tiếp tục diễn biến phức tạp, Việt Nam vẫn là điểm sáng trong phát triển kinh tế trong khu vực và toàn cầu.

2. Thị trường chứng khoán Việt Nam

2.1. Hàng hóa đa dạng và phong phú

Tính đến 31/12/2003, tổng giá trị niêm yết trên TTCK là 13.024 tỷ đồng, bao gồm cả cổ phiếu và trái phiếu. 22 loại cổ phiếu với giá trị niêm yết là 1.120 tỷ đồng (tổng vốn hóa là 2.380 tỷ đồng), chiếm 9% tổng giá trị niêm yết (*xem bảng 1);* 100 loại trái phiếu Chính phủ với giá trị niêm yết 11.497 tỷ đồng, chiếm 88% tổng giá trị niêm yết; và 2 loại trái phiếu công ty và 1 trái phiếu địa phương với 400 tỷ đồng, chiếm 3% tổng giá trị niêm yết của thị trường. Tổng giá trị vốn hóa của các công ty trên thị trường OTC với hơn 1.000 công ty là khoảng 15.500 tỷ đồng.

Bảng 1: Quy mô tài chính của các tổ chức niêm yết cổ phiếu

Tên công ty niêm yết	Mã CK	Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	ROE (%)	EPS (VNĐ)	Giá 31/12/03 (VNĐ)
Cty CP Cơ điện lạnh	REE	225	13,2%	1.600	15.900
Cty CP Cáp và Vật liệu viễn thông	SAM	180	27,2%	3.500	21.400
Cty CP Giấy Hải Phòng	HAP	20	15,3%	4.500	26.700
Cty CP Kho vận Giao nhận ngoại thương	TMS	22	33,8%	7.100	33.000
Cty CP Chế biến hàng XK Long An	LAF	19	19,9%	4.100	17.800
Cty CP Khách sạn SG	SGH	17,6	10,5%	1.300	14.100
Cty CP Đồ hộp Hạ Long	CAN	35	13,3%	1.600	14.000
Cty CP Nhựa Đà Nẵng	DPC	15,9	3,7%	400	10.200
Cty CP Bánh kẹo Biên Hòa	BBC	56	5,8%	800	11.100
Cty CP Nước giải khát Sài Gòn	TRI	45	31,2%	5.000	20.000
Cty CP SXXD và XNK Bình Thạnh	GIL	25,5	33,9%	5.100	23.300
Cty CP Cơ khí Bình Triệu	BTC	12,6	3,0%	400	16.400
Cty CP Bao bì Bỉm Sơn	BPC	38	18,0%	2.600	15.300
Cty CP Bê tông 620 Châu Thới	BT6	58,8	18,0%	2.600	18.800
Cty CP Đại lý liên hiệp vận chuyển	GMD	200	25,6%	4.700	37.500
Cty CP XNK Thủy sản An Giang	AGF	41,8	31,1%	5.500	29.300
Cty CP Hợp tác kinh tế và XNK Savimex	SAV	45	20,9%	3.400	16.600
Cty CP Thủy sản 4	TS4	15	21,0%	2.900	17.000
Cty CP XNK Khánh Hội	KHA	19	19,8%	2.500	16.200
Cty CP Xây lắp Bưu điện Hà Nội	HAS	12	26,4%	4.500	21.500
Cty CP Viễn thông VTC	VTC	18	36,7%	6.000	30.500
Cty CP Cơ khí xăng dầu	PMS	32	14.1%	1.600	14.600

(Nguồn: Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Tp HCM)

Ngoài ra, Chính phủ còn thực hiện các chủ trương nhằm thúc đẩy sự phát triển của TTCK như tăng cường áp lực hạ lãi suất, đẩy mạnh CPH ở các doanh nghiệp Nhà nước (DNNN) cũng như các công ty có vốn đầu tư nước ngoài, đưa các ngân hàng thương mại cổ phần lên niêm yết... Theo chiến lược phát triển của TTCK Việt Nam đến năm 2010 đã được Thủ tướng Chính phủ thông qua, TTCK phải đạt mức tổng vốn hóa thị trường từ 2-3% GDP vào năm 2005 (khoảng 1,2 tỷ USD) và 10% - 15% GDP vào năm 2010. Trong đó, vai trò của Quỹ đầu tư được nhấn mạnh là kênh huy động vốn trung và dài hạn cho đầu tư phát triển và thúc đẩy sự tham gia của các người đầu tư cá nhân và tổ chức vào TTCK.

2.2. Giá hấp dẫn

Tỷ suất hoàn vốn chủ sở hữu - ROE bình quân của các công ty niêm yết trong năm 2003 là 20,5% (trung bình của cả 3 năm là 20%) *(xem bảng 2)*, trong đó có đến hơn 5 công ty có ROE đạt trên 30%. ROE của các công ty trên thị trường OTC đạt bình quân 20%. Ngoài ra, mức lãi suất trái phiếu và cổ tức của cổ phiếu đều rất hấp dẫn: lãi suất trái phiếu niêm yết bình quân 8,5%, trái phiếu chưa niêm yết 9,5%; và cổ tức các công ty trả cho nhà đầu tư trung bình 17%/năm. Đồng thời, giá giao dịch đang thấp, thị giá gần bằng với thư giá, P/E ở mức thấp (6,9), trong khi cơ hội tăng trưởng của một số các công ty là rất khả quan. So sánh với các TTCK trong khu vực thì chỉ số P/E của TTCK Việt Nam rất thấp (đơn cử P/E của TTCK Trung Quốc là 40, Malaysia là 29…)

Bảng 2: Bảng tóm tắt một số chỉ tiêu chính của cổ phiếu niêm yết

Năm tài chính	**Năm 2001**	**Năm 2002**	**Năm 2003**
Chỉ số P/E (x)	8,7	7,5	**6,9**
Thị giá/ Thư giá (P/BV (x))	1,6	1,6	**1,4**
Giá/Doanh thu mỗi cổ phiếu (P/Sales)	0,8	0,6	**0,6**
Thu nhập/mệnh giá cổ phiếu (EPS (%))	21,7	30,7	**31,3**
Suất sinh lời/ cổ phiếu (Yield (%))	6,2	7,5	**7,8**
Tỷ suất hoàn vốn cổ phần (ROE (%))	18,2	21,6	**20,5**
Số công ty niêm yết	10	20	**22**

(Nguồn: Tổng hợp từ các báo cáo từ Trung tâm giao dịch chứng khoán Tp HCM)

2.3. Các cơ hội đầu tư khác đang mất dần ưu thế

Biểu đồ 7: Lãi suất tiền gửi giảm dần **Biểu đồ 8: Giá vàng đạt kỷ lục–800.000đ**

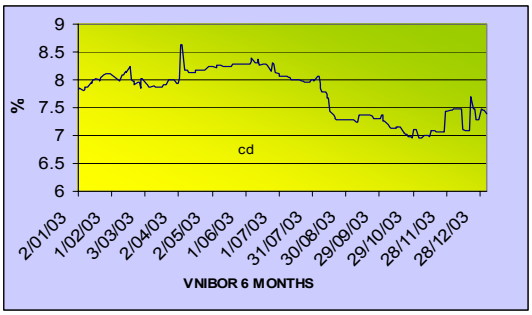

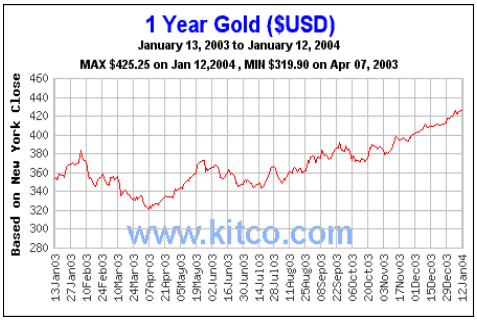

(Nguồn: Ngân hàng Vietcombank và Kitco.com)

Hiện nay mức cổ tức của các công ty trả cho các nhà đầu tư cao hơn rất nhiều so với mức lãi suất tiền gửi (trung bình 17% so với 7,4%) trong khi đó lãi suất tiền gửi dự đoán còn tiếp tục giảm trong thời gian tới *(xem biểu đồ 7)*. Chính phủ đã áp dụng sự kiểm soát chặt chẽ đối với các hoạt động đầu tư khác như địa ốc, mua bán vàng…, cộng với khả năng tăng trưởng kém từ các kênh này đơn cử như vàng vốn đang tăng cao tới mức kỷ lục *(xem biểu đồ 8)* trong khi nền kinh tế thế giới đã phục hồi và dần đi vào phát triển ổn định với tốc độ tăng trưởng 3% trong năm 2003 và ước tính 4% vào năm 2004 cho thấy cơ hội tăng giá hơn nữa của vàng là hiếm. Bên cạnh đó, việc các thị trường này đã bão hòa khiến cho lợi nhuận từ các kênh kinh doanh này giảm dần. Những yếu tố trên đã hình thành "cơ hội vàng" cho các nhà đầu tư đầu tư vào chứng khoán và dẫn đến TTCK trở thành cơ hội đầu tư hiệu quả trong giai đoạn kế tiếp.

3. Cơ hội từ chương trình cổ phần hoá

Chủ trương đổi mới về mọi mặt của Chính phủ Việt Nam, đặc biệt là đổi mới cơ chế quản lý kinh tế đã được nhấn mạnh từ sau Đại hội Đảng lần thứ VI. Trong đó, CPH là một trong những giải pháp nhằm cải cách khu vực kinh tế quốc doanh nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh cho các doanh nghiệp, góp phần huy động vốn nhàn rỗi trong dân chúng vào quá trình sản xuất kinh doanh, đã được xác định trong Nghị quyết của Đảng, Quốc hội và của Chính phủ.

Nghị định 64/2002/NĐ-CP của Chính phủ ngày 19 tháng 06 năm 2002 về việc chuyển đổi DNNN thành công ty cổ phần ra đời đã thúc đẩy nhanh tiến trình CPH các DNNN. Năm 2003, cả nước đã tiến hành CPH được 450 doanh nghiệp, tăng gấp 3,2 lần so với năm 2002. Như vậy, lũy kế đến nay, cả nước đã tiến hành CPH gần 1.300 doanh nghiệp. Tiến trình CPH được thực hiện nhanh chóng là kết quả của tác động tích cực từ những chủ trương chính sách khuyến khích của Chính phủ thông qua các ưu đãi về thuế, chính sách giải quyết về quyền lợi cho người lao động, cách thức định giá tài sản doanh nghiệp… cùng với sự tác động không nhỏ của sự ra đời Trung tâm Giao Dịch Chứng khoán TP.HCM. Bằng chứng là cho đến nay, hàng hoá giao dịch chủ yếu trên TTCK là các công ty CPH và đây cũng là đối tượng đầu tư chủ yếu của Quỹ đầu tư VF1.

Theo đề án tổng thể sắp xếp, đổi mới DNNN, trong tổng số 4.704 DNNN hiện có trên cả nước sẽ giữ nguyên 1.847 doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước, còn 2.857 doanh nghiệp (chiếm 60,7%) phải sắp xếp thành doanh nghiệp CPH hoặc cho bán, giải thể, phá sản, sáp nhập... Tổng vốn của các DNNN này khoảng 189.000 tỷ đồng - đây là khối lượng hàng hóa rất lớn mà các quỹ đầu tư có thể tham gia *(xem biểu đồ 9)*.

Theo kế hoạch từ năm 2004-2005, chương trình CPH của các Bộ và Tổng công ty như sau:

- Tổng công ty Bưu Chính Viễn Thông Việt Nam (VNPT): 11 doanh nghiệp;
- Bộ Xây dựng: 113 doanh nghiệp;
- Bộ Công Nghiệp: 107 doanh nghiệp (một số doanh nghiệp có vốn trên 1.000 tỷ đồng);
- Tổng công ty Điện lực Việt Nam: 11 doanh nghiệp;
- Tổng công ty Dầu Khí Việt Nam (Petro Việt Nam): 7 doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, Nghị định 38/2003/NĐ-CP của Chính phủ cũng đã xem xét cho phép việc thực hiện chuyển đổi một số doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài sang hình thức công ty cổ phần và niêm yết, làm tăng khối lượng hàng hóa cho TTCK. Theo dự kiến, Chính phủ sẽ phối hợp với Bộ Kế hoạch Đầu tư và các Bộ ngành có liên quan tiến hành thí điểm CPH trên 20 doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, và trong giai đoạn một sẽ triển khai việc niêm yết cho một số doanh nghiệp với quy mô vốn của mỗi doanh nghiệp ước khoảng 10 triệu USD.

Rõ ràng với tốc độ đẩy nhanh tiến trình CPH các DNNN trong các năm tới cùng với các chủ trương cho phép chuyển đổi các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thành công ty cổ phần đã phần nào làm cho TTCK trở nên sôi động hơn, và dĩ nhiên cơ hội đầu tư của Quỹ vào các doanh nghiệp CPH có chất lượng tốt là rất thuận lợi.

Biểu đồ 9: Cơ hội từ các công ty CPH

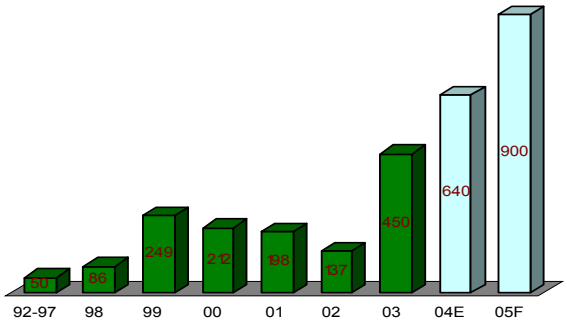

(Nguồn: Bộ Tài Chính và VFM)

4. Các chính sách ưu đãi về thuế

Việc đầu tư vào chứng chỉ của Quỹ đầu tư VF1 được hưởng nhiều ưu đãi về chính sách thuế của Nhà nước đối với Quỹ đầu tư VF1 lẫn các công ty trong danh mục đầu tư.

4.1. Ưu đãi về thuế đối với Quỹ đầu tư VF1

Theo quan điểm của các chuyên gia pháp luật, theo pháp luật hiện hành thì Quỹ đầu tư chứng khoán không phải là pháp nhân do vậy không là đối tượng chịu thuế thu nhập doanh nghiệp như các loại hình doanh nghiệp kinh doanh bình thường. Thu nhập của Quỹ đầu tư sẽ được trả cho người đầu tư, người đầu tư phải thực hiện nghĩa vụ thuế trên phần thu nhập của mình theo quy định của pháp luật. Trong khi đó, các doanh nghiệp khác vẫn phải chịu mức thuế suất 28% theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp chính thức có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2004.

4.2. Ưu đãi về thuế đối với các công ty trong danh mục đầu tư:

Quỹ đầu tư VF1 dành một lượng đáng kể vốn đầu tư vào các công ty CPH mà các công ty CPH này, theo quy định tại thông tư số 98/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2002 được hưởng các ưu đãi về thuế suất như sau:

- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi,
- Miễn 02 (hai) năm thuế thu nhập doanh nghiệp kể từ khi có thu nhập chịu thuế,
- Giảm 50% số thuế thu nhập phải nộp từ 2 (hai) đến 4 (bốn) năm tiếp theo tùy thuộc vào lĩnh vực và ngành nghề sản xuất kinh doanh.

Ngoài những ưu đãi trên, các doanh nghiệp mà quỹ đầu tư VF1 đầu tư vào có thể được ưu đãi thêm nếu đáp ứng đủ các yêu cầu trong các Danh mục A, Danh mục B hoặc Danh mục C của Nghị định 164/2003/NĐ-CP và Thông tư 128/2003/TT-BTC về Thuế thu nhập doanh nghiệp.

III. CÁC YẾU TỐ RỦI RO

Đầu tư vào Quỹ đầu tư VF1 có mức độ rủi ro nhất định. Ngoài những rủi ro đầu tư thông thường, những khoản đầu tư của quỹ vào các loại chứng khoán chưa niêm yết (chủ yếu là các loại chứng khoán của các công ty CPH từ DNNN và các công ty CPH từ các liên doanh) có tính thanh khoản chưa cao. Thêm vào đó, các khoản đầu tư của quỹ phải được coi là có tính chất đầu tư lâu dài.

Người đầu tư cần biết đến các yếu tố rủi ro liên quan đến Quỹ đầu tư VF1, công ty quản lý quỹ VFM và môi trường đầu tư, bao gồm:

1. Khả năng thanh khoản

Một trong những yếu tố quan trọng của quỹ là sẽ đầu tư một tỷ lệ không nhỏ (không ít hơn 40%) trong tổng tài sản của quỹ vào các doanh nghiệp CPH và các cơ hội đầu tư khác bao gồm cả đầu tư trong lĩnh vực địa ốc (chủ yếu thông qua công ty cổ phần kinh doanh trong lĩnh vực địa ốc hơn là đầu tư trực tiếp vào một dự án địa ốc). Chính vì vậy, các khoản đầu tư này chỉ có khả năng thanh khoản cao khi cổ phiếu của các công ty này có khả năng giao dịch được trên TTCK. Trong khi đó việc đưa các cổ phiếu này lên niêm yết trên TTCK lại chịu ảnh hưởng bởi rất nhiều yếu tố chủ quan và khách quan mà công ty quản lý quỹ VFM khó có thể chủ động thực hiện được. Tuy nhiên, để giảm thiểu rủi ro về khả năng thanh khoản, Quỹ đầu tư VF1 sẽ ưu tiên đầu tư vào các loại chứng khoán tốt đã niêm yết trên TTCK và các chứng khoán của các doanh nghiệp CPH có đủ tiêu chuẩn niêm yết và có kế hoạch đưa cổ phiếu lên giao dịch trên TTCK.

Ngoài ra, một yếu tố khác liên quan đến tính thanh khoản của chứng chỉ Quỹ đầu tư VF1, theo Nghị định 144/2003/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2003 thì chứng chỉ quỹ đầu tư dạng đóng như chứng chỉ quỹ đầu tư VF1 phải được niêm yết trên thị trường chứng khoán để tạo thanh khoản cho nhà đầu tư của quỹ. Chính vì vậy, yếu tố thanh khoản của chứng chỉ Quỹ đầu tư VF1 là một vấn đề đã được đơn vị phát hành tính đến ngay từ bây giờ để thực sự tạo an tâm cho nhà đầu tư khi quyết định đầu tư vào Quỹ đầu tư VF1.

2. Cạnh tranh

Có rất nhiều tổ chức và cá nhân tích cực tìm kiếm cơ hội đầu tư vào các công ty chưa niêm yết mà phần lớn tập trung vào các doanh nghiệp CPH. Sự cạnh tranh để đầu tư vào một ít công ty có triển vọng có thể làm chậm tiến trình triển khai việc thực hiện đầu tư và tăng giá đầu vào của thương vụ đầu tư, làm giảm lợi nhuận. Tuy nhiên, nhờ vào sự hỗ trợ của hai đối tác trong liên doanh VFM là Dragon Capital Management và ngân hàng Sacombank với kinh nghiệm hơn 10 năm đầu tư tại thị trường vốn Việt Nam, công ty quản lý quỹ VFM có ưu thế cạnh tranh so với các nhà đầu tư khác trong lĩnh vực này.

3. Điều kiện pháp lý

Từ khi Việt Nam chính thức phát triển nền kinh tế theo hướng thị trường vào đầu thập niên 90, Chính phủ hoàn thiện dần khung pháp lý cho các hoạt động chứng khoán và TTCK. Các hoạt động chứng khoán, quỹ đầu tư chứng khoán và TTCK được Chính phủ điều chỉnh trong các văn bản pháp lý ban hành vào năm 1998. Tuy nhiên vẫn còn tồn tại những rủi ro nhất định liên quan đến yếu tố pháp lý như: các quy định về thuế đối với các nhà đầu tư trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán và ngân hàng; các chính sách khuyến khích đầu tư trong lĩnh vực chứng khoán và tài chính chưa đủ mạnh để có thể thu hút nhiều hơn các khoản vốn nhàn rỗi trong công chúng vào nền kinh tế.

Hiện nay, cơ quan quản lý nhà nước chưa ban hành chế độ kế toán áp dụng cho Quỹ đầu tư chứng khoán, vì vậy đây là một yếu tố rủi ro về mặt pháp lý đối với việc hạch toán kế toán cho Quỹ đầu tư.

Môi trường pháp lý cho hoạt động chứng khoán ngày càng được cải thiện khi Chính phủ ban hành Nghị định 144/2003/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2003 thay thế cho Nghị định 48/NĐ-CP ban hành năm 1998 đã lạc hậu. Nghị định 144 mới đã thật sự tạo điều kiện tốt hơn và thông thoáng hơn cho các hoạt động liên quan đến chứng khoán và TTCK nói chung và quỹ đầu tư, công ty quản lý quỹ đầu tư nói riêng.

4. Những tiêu chuẩn về kế toán, kiểm toán và báo cáo tài chính

Hiện nay, vẫn chưa có một hệ thống chuẩn mực đầy đủ về kế toán, kiểm toán, báo cáo tài chính và yêu cầu công bố thông tin của các doanh nghiệp. Có những sự khác nhau đáng chú ý trong các khoản dự phòng cho nợ quá hạn, cách làm báo cáo tài chính hợp nhất, cách đánh giá tài sản, tính toán khấu hao... Tuy nhiên, Quỹ đầu tư VF1 sẽ được kiểm toán bởi công ty kiểm toán quốc tế Ernst &Young, một trong bốn công ty kiểm toán lớn nhất thế giới. Nhờ đó, Quỹ đầu tư VF1 sẽ có một báo cáo tài chính trung thực và hợp lý theo chuẩn mực hiện hành.

5. Xung đột về lợi ích giữa các quỹ đầu tư và các sản phẩm tài chính khác

Công ty quản lý quỹ cũng sẽ gặp phải những xung đột nhất định về lợi ích giữa các quỹ đầu tư và các sản phẩm tài chính khác do công ty quản lý điều hành. Tuy nhiên, việc kiểm soát những xung đột này là hoàn toàn có thể thực hiện được dựa trên những điểm sau:

5.1. Các quỹ đầu tư và các sản phẩm tài chính khác do cùng một công ty quản lý quỹ điều hành có những điểm tách biệt như:

- Cơ cấu tổ chức nhân sự hoạt động;
- Các tiêu chí và chiến lược đầu tư;
- Không được phép sử dụng vốn và tài sản của một quỹ này đầu tư vào một quỹ khác và ngược lại.

5.2. Khi xảy ra sự xung đột trong đầu tư giữa các Quỹ đầu tư và các sản phẩm tài chính khác thì việc đầu tư sẽ được giải quyết trên cơ sở như sau:

- Dựa trên danh mục đầu tư đã định cho từng quỹ đầu tư;
- Các quy định về tỷ lệ đầu tư tối đa vào một ngành của các quỹ đầu tư và các sản phẩm tài chính khác (theo quy định, không đầu tư quá 30% nguồn vốn vào một ngành);
- Theo tỷ lệ phần trăm về quy mô nguồn vốn của quỹ còn lại chưa đầu tư của quỹ và các sản phẩm tài chính khác.

6. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng có thể xảy ra với các khoản đầu tư vào trái phiếu hoặc các công cụ nợ khác. Rủi ro này phát sinh khi các bên phát hành công cụ nợ mất khả năng thanh toán lãi suất hoặc tiền gốc đối với các khoản vay. Đối với quỹ đầu tư VF1, khả năng xảy ra rủi ro này là nhỏ do phần đầu tư vào trái phiếu của quỹ sẽ chỉ bao gồm các trái phiếu có độ an toàn cao (bao gồm trái phiếu chính phủ, trái phiếu của các ngân hàng thương mại quốc doanh). Trong trường hợp đầu tư vào các trái phiếu có độ rủi ro tín dụng cao hơn, việc đánh giá mức độ rủi ro sẽ được thực hiện cho từng trường

hợp cụ thể và phải được thông qua hội đồng đầu tư. Mặt khác, rủi ro này cũng được hạn chế bởi chính sách đầu tư đa dạng của quỹ vào các loại trái phiếu khác nhau.

7. Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ xảy ra khi có các thay đổi về tỷ giá giữa đồng Việt Nam và các loại tiền tệ khác mà quỹ VF1 đầu tư hoặc trong trường hợp quỹ VF1 đầu tư vào các tài sản ngoài Việt Nam. Do quỹ đầu tư VF1 không đầu tư vào các loại tài sản nêu trên, các rủi ro tiền tệ sẽ không phát sinh đối với người đầu tư vào quỹ.

8. Rủi ro thị trường

Rủi ro này phát sinh khi các thị trường tài sản mà quỹ đầu tư có sự suy giảm toàn bộ trong một khoản thời gian. Loại rủi ro này dẫn tới sự suy giảm của toàn bộ thị trường. Rủi ro này xảy ra nằm ngoài khả năng kiểm soát của công ty quản lý quỹ. Tuy nhiên, công ty quản lý quỹ sẽ cố gắng tối đa có thể để tránh rủi ro này cho các nhà đầu tư.

Ngoài ra, việc niêm yết chứng chỉ quỹ trên Trung tâm giao dịch Chứng khoán cũng có yếu tố rủi ro về giá giao dịch chứng chỉ quỹ trên thị trường (tăng hoặc giảm giá chứng chỉ quỹ sau khi niêm yết).

9. Rủi ro quản lý

Rủi ro này phát sinh từ việc quản lý của công ty quản lý quỹ. Hậu quả của rủi ro này là việc đầu tư của quỹ không đạt được các mục tiêu đã đề ra. Để giảm thiểu loại rủi ro nay, công ty quản lý quỹ sẽ áp dụng các phương thức quản trị doanh nghiệp tiên tiến, xây dựng quy trình kiểm soát tuân thủ tiêu chuẩn chất lương ISO 9001. Việc quản lý đầu tư sẽ được phân cấp rõ ràng với việc thành lập hội đồng đầu tư với sự tham dự của các thành viên lãnh đạo cấp cao nhất của công ty quản lý quỹ, bên cạnh đó còn có sự giá sát chặt chẽ của ngân hàng giám sát.

IV. MỤC TIÊU VÀ CHÍNH SÁCH ĐẦU TƯ

1. Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu quan trọng nhất mà Quỹ đầu tư VF1 nhắm đến là xây dựng được một danh mục đầu tư cân đối và đa dạng nhằm tối ưu hóa lợi nhuận, tối thiểu hóa các rủi ro cho nguồn vốn đầu tư của quỹ. Phần lớn các thương vụ đầu tư sẽ được tập trung vào các loại chứng khoán đang và sẽ niêm yết trên TTCK Việt Nam. Chứng khoán này bao gồm chứng khoán của các công ty đang niêm yết trên thị trường, các loại trái phiếu Chính phủ, trái phiếu công ty, cổ phiếu của các công ty cổ phần. Ngoài ra, mục tiêu của quỹ còn nhắm đến trong quá trình đầu tư là giúp các đơn vị tái cơ cấu về mặt tài chính, phát triển hệ thống quản trị, nâng cao năng lực cạnh tranh… nhằm làm gia tăng giá trị của chính các công ty này và vì thế gia tăng về mặt giá trị các khoản đầu tư của Quỹ đầu tư VF1.

2. Chính sách đầu tư

2.1. Cơ cấu đầu tư

Quỹ đầu tư VF1 là loại hình quỹ đầu tư chứng khoán cho nên phần lớn các thương vụ đầu tư sẽ được tập trung vào các loại chứng khoán đang và sẽ niêm yết trên TTCK Việt Nam. Cơ cấu đầu tư sẽ được phân bổ như sau: tối thiểu 60% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các loại chứng khoán đang và sẽ niêm yết, phần còn lại sẽ được đầu tư vào các loại tài sản khác như các công cụ của thị trường tiền tệ, bất động sản, tiền mặt dự trữ. Riêng đối với bất động sản, Quỹ đầu tư VF1 không đầu tư quá 10% tổng tài sản của Quỹ đầu tư VF1 vào lĩnh vực này.

Nhà quản lý quỹ của Quỹ đầu tư VF1 là Công ty liên doanh quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam (VFM). Công ty quản lý quỹ VFM sẽ thực hiện việc quản lý đầu tư và đầu tư chủ động những khoản đầu tư đó. Như vậy, Công ty quản lý quỹ VFM sẽ quyết định đầu tư hoặc thanh hoán dựa trên sự đánh giá rủi ro trong đầu tư, chiến lược rút vốn và tiềm năng sinh lợi của khoản đầu tư. Công ty quản lý quỹ VFM sẽ tìm kiếm để thiết lập một danh mục đầu tư cân bằng của các khoản đầu tư có khả năng tăng trưởng mạnh về giá trị đầu tư và các khoản đầu tư có thu nhập định kỳ.

Thêm vào đó, danh mục của Quỹ đầu tư VF1 sẽ tập trung đầu tư trong những công ty CPH từ các doanh nghiệp liên doanh hoặc từ các DNNN. Đầu tư vào những công ty như vậy có thể được thực hiện trước khi các doanh nghiệp này niêm yết trên TTCK, các khoản đầu tư này rất có tiềm năng tăng trưởng về giá trị đầu tư khi những công ty này được niêm yết.

Cơ cấu đầu tư chi tiết cho vốn huy động của quỹ VF1 (300 tỷ) được trình bày dưới đây:

- Từ 25% - 35% quy mô của quỹ vào các công ty niêm yết (tương đương từ 75 - 105 tỷ);
- Từ 25% - 35% đầu tư vào các công ty chưa niêm yết (tương đương từ 75 - 105 tỷ);
- 25% sẽ tập trung vào Trái phiếu Chính Phủ (tương đương 75 tỷ);
- 10% đầu tư vào bất động sản (tương đương 30 tỷ);
- 5% là các tài sản khác (tương đương 15 tỷ).

2.2. Lĩnh vực, ngành nghề dự định đầu tư

Quỹ đầu tư VF1 sẽ tập trung đầu tư vào các lĩnh vực, ngành nghề sau (các ngành nghề này có thể có thay đổi tùy theo chiến lược đầu tư trong từng giai đoạn):

- Ngành chế biến nông lâm thủy hải sản;
- Ngành tài chính ngân hàng;
- Ngành du lịch và khách sạn;
- Ngành giáo dục và y tế;
- Ngành hàng tiêu dùng;
- Ngành vận tải hàng hóa;

- Ngành tiện ích công cộng;
- Bất động sản;
- Các công cụ của thị trường tiền tệ.

3. Hạn chế trong đầu tư

Công ty quản lý quỹ chỉ được đầu tư vốn của Quỹ đầu tư VF1 vào chứng khoán hoặc tài sản khác phù hợp với điều lệ của quỹ và quy định của pháp luật, do đó Quỹ đầu tư VF1 sẽ:

3.1. Căn cứ vào quy mô của Quỹ đầu tư VF1

- Không được đầu tư quá 20% toàn bộ tài sản của quỹ cho một công ty hoặc một tổ chức phát hành đã niêm yết hoặc chưa niêm yết trên TTCK Việt Nam;
- Không đầu tư quá 40% tài sản của quỹ vào một ngành trừ khi có một nghị quyết đặc biệt của Đại hội người đầu tư;
- Không được đầu tư quá 30% tổng tài sản của quỹ vào các công ty trong cùng một tập đoàn hay một nhóm công ty có quan hệ sở hữu lẫn nhau;
- Không được đầu tư quá 10% tổng tài sản của quỹ vào bất động sản;
- Không được dùng các quỹ do cùng một công ty quản lý quỹ quản lý đầu tư vượt quá 49% tổng giá trị của một loại chứng khoán của tổ chức phát hành.

3.2. Căn cứ vào quy mô của khoản đầu tư:

- Không được đầu tư quá 15% tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành;
- Không đầu tư vào quỹ đầu tư chứng khoán khác;
- Khi đầu tư quá 5% tổng vốn của một công ty do các thành viên Ban Đại diện của Quỹ đầu tư VF1 hoặc thành viên Ban Tổng Giám đốc công ty quản lý quỹ VFM sở hữu thì phải có sự chấp thuận bằng văn bản của Ban Đại diện Quỹ.

4. Quy trình đầu tư và ra quyết định đầu tư

Trong quá trình đầu tư, công ty quản lý quỹ VFM sẽ thực hiện một quy trình nghiên cứu, đánh giá và thẩm định đầu tư, áp dụng chiến lược đầu tư tích cực trong việc quản lý Quỹ đầu tư VF1, tận dụng tối đa các cơ hội đầu tư tốt, có hiệu quả dài hạn. Đồng thời sẽ bằng mọi khả năng và kinh nghiệm của mình gia tăng giá trị các khoản đầu tư của Quỹ đầu tư VF1. Cụ thể, công ty quản lý quỹ VFM sẽ áp dụng Quy trình và quyết định đầu tư như sau.

Biểu đồ 10: Quy trình và quyết định đầu tư

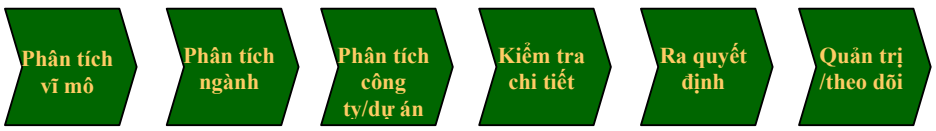

4.1. Phân tích vĩ mô

Cụ thể phân tích các chính sách và chỉ số sau:

- Xu hướng vĩ mô: Kinh tế trong nước, đối ngoại (XNK), đầu tư, và thị trường tiêu thụ (Nhà nước, tư nhân);
- Hệ thống tài chính: tài khoản vãng lai, cán cân thanh toán, tỷ giá hối đoái, lãi suất, lạm phát, nguồn tiền luân chuyển, thuế, chính sách tiền tệ;.
- Thị trường tài sản: TTCK, bất động sản;
- Môi trường pháp lý, chính sách áp dụng;
- Quan hệ với kinh tế khu vực, thế giới.

4.2. Phân tích ngành

Căn cứ vào các ngành nghề dự kiến đầu tư được nêu tại mục 2.2 Điều 2 phần IV của bản cáo bạch này, công ty quản lý quỹ VFM sẽ tiến hành:

- Phân tích vòng đời, tính biến động theo chu kỳ của ngành;
- Phân tích đầu vào/đầu ra;
- Các thay đổi về xã hội, dân số, công nghệ, chính sách Nhà nước đối với ngành, cạnh tranh từ nước ngoài;
- Đánh giá tỷ lệ lợi nhuận và rủi ro chung của ngành;
- Dự đoán xu hướng, tính ổn định của doanh thu, sản lượng, giá cả của ngành;
- Đánh giá cấu trúc cạnh tranh của ngành trong mối quan hệ với khách hàng, nhà cung cấp, mối đe dọa từ các đối thủ mới, cạnh tranh giữa các công ty trong ngành và các sản phẩm thay thế.

4.3. Phân tích Công ty/ Dự án

Căn cứ các tiêu chí đầu tư, lựa chọn công ty và dự án có tính cạnh tranh cao hoặc có giá trị hấp dẫn, công ty quản lý quỹ VFM tiến hành

- Dự đoán doanh thu, thị phần của công ty;
- Dự đoán các tỷ suất lợi nhuận;
- So sánh các tỷ lệ căn bản như Giá trên lợi nhuận của mỗi cổ phiếu (P/E), Giá trên Doanh số (Price/Sales), Tỷ suất cổ tức (Dividend Yields), Giá trên Tổng tài sản (Price/Asset Value)….

4.4. Thẩm định chi tiết

Với các thông tin thu thập được cùng với các phân tích cơ bản về dự án, công ty quản lý quỹ VFM sẽ tiến hành thẩm định một cách chi tiết đối với các dự án đã đáp ứng được các tiêu chí đầu tư, cụ thể sẽ thực hiện các công việc sau:

- Xem xét về cơ cấu pháp lý;
- Ban quản trị/Ban điều hành;
- Chiến lược cạnh tranh, phát triển;
- Phân tích thị trường, khách hàng, tiêu thụ;
- So sánh trong ngành, liên ngành;
- Sản phẩm, dịch vụ, giá thành;

- Tài chính, nhân sự;
- Phân tích, dự phòng tài chính;
- Đánh giá giá trị doanh nghiệp;
- Triển vọng đầu tư.

4.5. Ra quyết định

Dựa trên các phân tích, đánh giá của các chuyên viên dự án của công ty quản lý quỹ VFM và Quy chế hoạt động của Hội đồng Đầu tư của công ty VFM, việc ra quyết định sẽ được phân cấp như sau:

4.5.1. Quyết định bởi Ban Tổng Giám Đốc công ty VFM:

Thực hiện các quyết định đầu tư trong hạn mức được Hội đồng Đầu tư công ty VFM quy định.

4.5.2. Quyết định bởi Hội đồng đầu tư:

- Khoản đầu tư từ 5 tỷ đồng trở lên; hoặc
- Khoản đầu tư lớn hơn 5% tổng tài sản của quỹ; hoặc
- Khoản đầu tư lớn hơn 5% tổng vốn công ty đầu tư; và
- Các khoản đầu tư vượt quá tỷ lệ ngành đã quy định.

Các quyết định đầu tư vượt hạn mức như trên phải được trình cho Hội đồng Đầu tư để chuẩn y.

4.6. Theo dõi

Để dự án đầu tư mang lại lợi nhuận tối ưu cho các nhà đầu tư, ngoài việc thực hiện các công việc nêu trên, VFM sẽ kiểm soát chặt chẽ các khoản đầu tư bằng cách nghiên cứu kỹ các báo cáo tài chính định kỳ và giữ quan hệ chặt chẽ với Hội Đồng Quản Trị và Ban Giám Đốc các công ty đã đầu tư. Luôn cập nhật các thông tin có liên quan đến các ngành nghề, lĩnh vực đầu tư để có thể sẵn sàng đưa ra giải pháp tốt nhất trong quá trình đầu tư.

Mặc dù không tham gia điều hành hàng ngày các công ty đã đầu tư, công ty quản lý quỹ VFM cố gắng cử các nhà quản trị cao cấp của VFM để tham gia hội đồng quản trị nhằm mục đích giúp công ty xây dựng chiến lược phát triển, cơ cấu nhu cầu tài chính, thúc đẩy đưa cổ phiếu của công ty niêm yết trên TTCK.

5. Sự tăng giá và thanh hoán các khoản đầu tư

Muốn đạt được các mục đích của Quỹ đầu tư VF1, các khoản đầu tư phải có khả năng tăng trưởng về giá trị (tăng giá so với đầu tư ban đầu) và có khả năng chuyển nhượng được (có tính thanh khoản cao).

5.1. Về tăng trưởng giá trị

5.1.1. Đối với các công ty niêm yết

- Lựa chọn thời điểm đầu tư thích hợp;

- Phân tích, đánh giá chính xác giá trị của cổ phiếu niêm yết;
- Tiến hành xử lý kịp thời với những biến động của thị trường.

5.1.2. Đối với các công ty chưa niêm yết

- Tranh thủ các cơ hội để có thể đầu tư trước khi công ty tiến hành bán cổ phần ra công chúng;
- Phân tích, đánh giá chính xác giá trị của cổ phiếu được đấu giá công khai kết hợp với các thông tin thu thập được.

5.2. Về khả năng chuyển nhượng

Việc này sẽ được thực hiện dễ dàng khi đầu tư vào các chứng khoán đang giao dịch trên TTCK. Đối với việc đầu tư vào chứng khoán chưa niêm yết, việc chuyển nhượng các cổ phiếu này vẫn có thể thực hiện bằng cách bán cho các nhà đầu tư khác như các nhà đầu tư cá nhân, quỹ đầu tư khác, công ty tài chính, công ty bảo hiểm, bán cho các nhà đầu tư trong cùng công ty mà Quỹ đầu tư VF1 đã tham gia đầu tư (các thành viên hội đồng quản trị, hoặc chính công ty đó mua lại…).

V. PHÍ, LỆ PHÍ VÀ THƯỞNG HOẠT ĐỘNG

Các loại phí mà người đầu tư phải trả khi mua và nắm giữ chứng chỉ quỹ:

1. Phí đăng ký mua chứng chỉ quỹ

Người đầu tư chỉ phải trả một lần phí đăng ký mua chứng chỉ Quỹ đầu tư VF1 khi phát hành. Phí đăng ký mua chứng chỉ Quỹ đầu tư VF1 là 3%/mệnh giá của đơn vị quỹ.

2. Phí thường niên

2.1. Phí quản lý quỹ

Phí quản lý quỹ là 2%/giá trị tài sản ròng của Quỹ đầu tư VF1/năm và được thanh toán hàng tháng, phí này được trả cho công ty quản lý quỹ VFM để thực hiện các dịch vụ quản lý đầu tư cho Quỹ đầu tư VF1.

Công thức tính phí quản lý được xác định như sau:

Tỷ lệ 2% phí quản lý (năm) /12 tháng x NAV ngày cuối tháng

2.2. Phí lưu ký và giám sát

1. Phí giám sát:

- Trong 03 năm đầu tiên là 0,12% của tổng giá trị tài sản ròng/năm.
- Từ năm thứ 04 hai bên sẽ thống nhất mức phí giám sát áp dụng cho năm tiếp theo trước ngày 31/12 hàng năm.

Phí giám sát được trả hàng tháng, phí này được trả cho ngân hàng giám sát để cung cấp dịch vụ ngân hàng giám sát.

Công thức tính phí giám sát được xác định như sau:

Tỷ lệ % phí giám sát (năm) /12 tháng x NAV ngày cuối tháng

2. Phí lưu ký:

- Miễn phí lưu ký cổ phiếu, trái phiếu trong năm đầu tiên;
- Các Tài Sản khác sẽ thu theo chi phí thực tế phát sinh do bên thứ ba (nếu có) thu của Ngân Hàng Giám Sát cho các tài sản của VF1 lưu ký tại Ngân Hàng Giám Sát.

2.3. Phí khác

Các chi phí khác của Quỹ gồm:

a. Phí môi giới hợp lý, hợp lệ liên quan đến các giao dịch tài sản Quỹ;
b. Thuế, phí và lệ phí mà Quỹ phải thanh toán theo quy định của pháp luật;
c. Tiền vay phải trả đối với các khoản vay của Quỹ phù hợp với Điều lệ Quỹ và quy định của pháp luật;
d. Các chi phí liên quan đến việc kiểm toán Quỹ;
e. Các chi phí liên quan đến việc tư vấn luật cho Quỹ;
f. Chi phí liên quan đến việc thuê các tổ chức độc lập cung cấp dịch vụ định giá, đánh giá tài sản Quỹ;
g. Chí phí sủa đổi Điều lệ Quỹ vì quyền lợi của Người đầu tư;
h. Chí phí liên quan đến việc tổ chức, triệu tập họp Đại hội Người đầu tư và Ban đại diện không theo yêu cầu hoặc không vì quyền lợi của Công ty quản lý Quỹ hoặc Ngân hàng giám sát;
i. Các chi phí liên quan đến việc in ấn, bố cáo, thông tin các hoạt động liên quan đến Quỹ, phát hành bản cáo bạch nếu phát hành thêm chứng chỉ Quỹ;
j. Thù lao cho Ban đại diện Quỹ;
k. Các chi phí hợp lý và hợp lệ và được Ban dại diện Quỹ quyết định;

Tổng cộng các khoản phí đề cập ở khoản 2.2 và 2.3 nêu trên không vượt quá 1%/giá trị tài sản ròng của quỹ/năm.

3. Thưởng hoạt động

Công ty quản lý quỹ VFM có thể nhận được từ Quỹ đầu tư VF1, ngoài phí quản lý (đề cập tại mục 2.1 của điều 2 nêu trên), một khoản thưởng khác gọi là thưởng hoạt động. Thưởng hoạt động được trích từ thu nhập thực tế của Quỹ đầu tư trong năm tính thưởng, thưởng hoạt động phải nhỏ hơn thu nhập thực tế đó.

Thưởng hoạt động chỉ được trả cho công ty VFM nếu tỷ lệ tăng trưởng giá trị tài sản ròng của Quỹ đầu tư VF1 do công ty VFM quản lý cao hơn chỉ số căn bản (sẽ được diễn giải dưới đây). Khoản thưởng hoạt động mà công ty VFM sẽ nhận được bằng 20% của L_i (sẽ diễn giải dưới đây) trong năm tài chính.

Tỷ lệ tăng trưởng $= V_i / V_{i-1}$

Chỉ số căn bản = I + 2%

$L_i = V_i – V_{i-1} * [100\% + (I + 2\%)]$

Trong đó:

L_i : khoản liên quan theo đó khoản thưởng hoạt động hàng năm được tính.

V_i : là giá trị tài sản ròng của các khoản đầu tư vào ngày 31 tháng 12 (hoặc ngày làm việc gần nhất) của năm i được xác định dựa theo nguyên tắc được dề cập tại phần VI của bản cáo bạch này.

I : Lãi suất trái phiếu Chính phủ thời hạn 10 năm do Nhà nước Việt Nam phát hành được giao dịch trên TTCK Việt Nam vào thời điểm định giá. Nếu không có lãi suất của trái phiếu Chính phủ thời hạn 10 năm thì lấy lãi suất của trái phiếu có thời hạn dài nhất tương đương có thể.

- Trái phiếu Chính phủ: là trái phiếu do chính phủ Việt Nam phát hành và đảm bảo thanh toán
- Lãi suất: là lãi suất phát hành của trái phiếu Chính phủ thời hạn 10 năm hoặc lãi suất giao dịch của trái phiếu Chính phủ có kỳ hạn tương đương trên TTCK với khối lượng đủ lớn vào thời điểm gần nhất so với lúc định giá. Trong trường hợp chêch lệch giữa lãi suất phát hành và lãi suất giao dịch trên TTCK lớn hơn 1% thì lãi suất dùng để định giá là trung bình của hai lãi suất kể trên.

Ví dụ minh họa

<u>Năm thứ nhất</u>

V_0 = 300 tỷ đồng

V_1 = 340 tỷ đồng

I_1 = 8,5 %

Như vậy:

L_1 = 340 $^{tỷ đ}$ - 300 $^{tỷ đ}$ * [100% + (8,5%+2%)]
= 8,5 tỷ đồng

⇨ Thưởng hoạt động trong năm đầu tiên của VFM = 20% * 8,5 $^{tỷ đ}$
= 1,7 tỷ đồng

<u>Năm thứ hai:</u>

V_2 = 380 tỷ đồng

I_2 = 8,5%

Như vậy:

L_2 = 380 $^{tỷ đ}$ -340 $^{tỷ đ}$ * [100% + (8,5% + 2%)]
= 4,3 tỷ đồng

⇨ Thưởng hoạt động trong năm thứ hai của VFM = 20% * 4,3 $^{tỷ đ}$
= 0,86 tỷ đồng

<u>Năm thứ ba:</u>

V_3 = 400 tỷ đồng

I_3 = 8%

Như vậy:

L_3 = 400 $^{tỷ đ}$ – 380 $^{tỷ đ}$ * [100%+(8%+2%)] < 0

⇨ VFM không được thưởng hoạt động trong năm thứ ba.

VI. QUY TRÌNH XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ ĐẦU TƯ VF1

1. Thời gian thực hiện việc định giá

Về nguyên tắc, chứng chỉ Quỹ đầu tư VF1 sẽ niêm yết trên TTCK nhằm tạo điều kiện cho các người đầu tư có thể chuyển nhượng một cách dễ dàng cũng như tạo điện kiện cho Quỹ đầu tư VF1 thực hiện việc huy động vốn thông qua TTCK. Do đó, việc định giá giá trị của Quỹ đầu tư VF1 phải được thực hiện hàng tháng (hoặc hàng tuần nếu các yếu tố kỹ thuật cho phép).

Việc xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ đầu tư VF1 do Công ty quản lý quỹ thực hiện và phải có xác nhận của Ngân hàng giám sát về việc tuân thủ quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Điều lệ Quỹ.

2. Nguyên tắc thực hiện việc định giá giá trị tài sản ròng (NAV)

Giá trị tài sản ròng (NAV): là tổng giá trị các tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ đầu tư VF1 sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ có liên quan (như phí môi giới, phí lưu ký, phí hành chính, phí định giá, lãi vay ngân hàng (nếu có)…) tại thời điểm định giá. Cụ thể được xác định theo phương thức sau:

Tổng giá trị tài sản của Quỹ đầu tư VF1 bao gồm giá trị tài sản của các khoản đầu tư, cổ tức, lợi tức, lợi nhuận được chia, lãi tiền gửi ngân hàng và một phần tiền mặt của Quỹ đầu tư VF1 chưa được đầu tư tính đến thời điểm định giá, trong đó:

2.1. Giá trị của các khoản đầu tư của quỹ

Giá trị của các khoản đầu tư của quỹ được định giá như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết: giá của chứng khoán niêm yết được xác nhận là giá khớp lệnh gần thời điểm đánh giá nhất.
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết hoặc Tài sản khác: việc xác định giá chứng khoán được tính dựa theo thứ tự ưu tiên của 03 (ba) chuẩn mực sau:

  i. Giá của các loại chứng khoán chưa niêm yết: sẽ do hai công ty chứng khoán có uy tín cung cấp, giá của một chứng khoán nào đó sẽ là giá trung bình của giá do hai công ty chứng khoán cung cấp.Việc lựa chọn hai công ty chứng khoán cung cấp giá loại chứng khoán này sẽ được thống nhất giữa VFM, Ngân Hàng Giám Sát và Ban đại diện Quỹ của VF1. Hai công ty chứng khoán được lựa chọn phải là công ty độc lập với công ty quản lý quỹ và có giao dịch chứng khoán đó.

ii. Giá theo Nhà định giá độc lập (thường được dùng đánh giá địa ốc): nhà định giá độc lập và phải được công nhận (ví dụ: Trung tâm giao dịch địa ốc của Á Châu hay Togi…)

iii. Đánh giá theo giá trị đầu tư (cost price): giá chứng khoán chưa niêm yết hoặc Tài sản khác được xác định theo giá đầu tư ban đầu và không thay đổi trong suốt thời gian mà chứng khoán đó chưa được chuyển nhượng.

2.2. Cổ tức, lợi tức, lợi nhuận, bao gồm:

- Cổ tức của các loại cổ phiếu,
- Lợi tức của trái phiếu,
- Lợi nhuận của các khoản đầu tư.

2.3. Lãi tiền gửi ngân hàng và các khoản tiền chưa đầu tư tính đến thời điểm xác định giá trị tài sản ròng:

Là khoản lãi nhận được trên số dư tiền mặt trong thời gian chưa giải ngân để đầu tư tại tài khoản của Quỹ đầu tư VF1 mở tại ngân hàng giám sát tính đến thời điểm xác định giá trị tài sản ròng của quỹ đầu tư VF1.

2.4. Phương thức xác định giá trị tài sản ròng của quỹ và giá trị đơn vị quỹ

2.4.1 Giá trị tài sản ròng của quỹ

NAV = Tổng tài sản có của quỹ - Tổng nợ phải trả của quỹ

Trong đó:
- NAV: Giá trị tài sản ròng của quỹ.
- Tổng tài sản có của Quỹ đầu tư VF1: là các khoản tài sản đã được liệt kê tại các điểm 2.1; 2.2 và 2.3 thuộc Điều 2 - Phần VI của Bản cáo bạch này.
- Tổng nợ phải trả của Quỹ đầu tư VF1: là các chi phí đã được liệt kê tại Điều 2 - Phần V của Bản cáo bạch này.

2.4.2. Giá trị đơn vị quỹ

$$V = \frac{NAV}{N}$$

Trong đó:
- V: giá trị đơn vị quỹ
- N: tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành

3. Kế hoạch phân chia lợi nhuận Quỹ đầu tư VF1

Căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh hàng năm của Quỹ đầu tư VF1, việc phân chia lợi nhuận quỹ sẽ được Đại hội người đầu tư hàng năm thông qua dưới sự đề xuất của Ban đại diện quỹ.

VII. BAN ĐẠI DIỆN QUỸ ĐẦU TƯ VF1, CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ, NGÂN HÀNG GIÁM SÁT VÀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

1. Ban đại diện Quỹ đầu tư VF1

Hoạt động đầu tư của Quỹ đầu tư VF1 được quản lý dưới sự chỉ đạo của Ban đại diện quỹ. Các thành viên Ban đại diện Quỹ đầu tư VF1 chịu trách nhiệm thiết lập mục tiêu đầu tư, chính sách, tiêu chuẩn và các hạn chế đầu tư, phê duyệt những khoản đầu tư của quỹ (căn cứ theo phân cấp phê duyệt các dự án đầu tư); chấp thuận và ủy quyền cho công ty quản lý quỹ VFM chịu trách nhiệm trong việc ký kết hoặc thanh lý các hợp đồng tư vấn, dịch vụ giữa Quỹ đầu tư VF1 và công ty kiểm toán, công ty tư vấn luật, ngân hàng giám sát… Cuộc họp của Ban đại diện quỹ được tổ chức ít nhất mỗi quý một lần. Ban đại diện quỹ theo dõi sự hoạt động của quỹ và đưa ra các hướng dẫn cho công ty quản lý quỹ VFM khi cần thiết.

Dự kiến Ban đại diện Quỹ đầu tư VF1 trong nhiệm kỳ đầu có tối đa bảy thành viên, trong đó:

- Sáng lập viên : hai thành viên đại diện cho ngân hàng Sacombank và công ty tài chính DCM;
- Đại diện người đầu tư cá nhân, pháp nhân : bốn thành viên.

Ngoài ra, Quỹ đầu tư VF1 sẽ mời một đại diện độc lập là người có nhiều uy tín và am hiểu về thị trường tài chính, chứng khoán.

Sau đây là những chi tiết về các thành viên Ban đại diện Quỹ đầu tư VF1 dự kiến giới thiệu trong nhiệm kỳ đầu:

- Bà Huỳnh Quế Hà (Đại diện cho Sacombank)
- Ông John Shrimpton (Đại diện cho Dragon Capital Management)

Trong đó tối thiểu là 03 đại diện không phải là Người liên quan đối với Công ty quản lý Quỹ.

2. Công ty quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam (VFM)

Công ty quản lý quỹ VFM là công ty cung cấp dịch vụ quản lý đầu tư cho Quỹ đầu tư VF1. Công ty quản lý quỹ VFM được cấp giấy phép thành lập số 01/GPĐT-UBCKNN ngày 15 tháng 07 năm 2003 bởi UBCKNN căn cứ theo Luật Đầu tư nước ngoài, nghị định về chứng khoán, TTCK và các văn bản pháp lý có liên quan.

Công ty quản lý quỹ VFM đặt trụ sở tại thành phố Hồ Chí Minh và chi nhánh tại Hà Nội, với tổng vốn đầu tư ban đầu là 16 tỷ đồng do Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank) góp 70% và Công ty Dragon Capital Management góp 30%. Công ty quản lý quỹ VFM là công ty liên doanh đầu tiên tại Việt Nam chuyên về quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và tư vấn đầu tư.

Thông tin sơ lược về hai đối tác liên doanh của công ty quản lý quỹ VFM:

2.1. Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)

Ngân hàng Sacombank được thành lập năm 1991, là một trong những ngân hàng thương mại cổ phần đầu tiên ở Việt Nam. Mục tiêu hoạt động của Sacombank là từng bước trở thành một ngân hàng thương mại đa năng cùng với việc phát triển mạnh công nghệ thông tin, tăng cường vốn tự có, mở rộng địa bàn tại những vùng kinh tế trọng điểm, không ngừng củng cố, bố trí hợp lý và hoàn thiện bộ máy để phát triển ngày càng ổn định trong khuôn khổ luật pháp và tiến tới hội nhập vào hoạt động của các ngân hàng tiên tiến trong khu vực. Với mục tiêu đó, Sacombank đã phát triển mạng lưới các chi nhánh đến hầu hết các vùng kinh tế trọng điểm trên toàn lãnh thổ Việt Nam. Hiện nay, Sacombank có hơn 60 điểm giao dịch phục vụ cho hơn 200.000 khách hàng trên toàn quốc.

Sự phát triển vượt bậc trong tất cả các hoạt động kinh doanh cùng với việc gia tăng nhanh chóng vốn điều lệ do đóng góp của các cổ đông trong và ngoài nước đã phát huy được uy tín của Sacombank. Liên tục trong 06 (sáu) năm qua, hoạt động của Sacombank luôn có lãi và đã được các công ty kiểm toán độc lập trong và ngoài nước xác nhận. Đến nay, với vốn điều lệ là 505 tỷ đồng và với tổng tài sản có hơn 7.000 tỷ đồng, Sacombank là một trong hai ngân hàng cổ phần lớn bậc nhất tại Việt Nam.

Ngoài ra Sacombank còn được xem là một trong những ngân hàng thương mại cổ phần thành công nhất trong công cuộc phát triển những doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Việt Nam.

2.2. Dragon Capital Management

Dragon Capital Group (DCG) là công ty quản lý quỹ đầu tư của Anh Quốc (là công ty mẹ của Dragon Capital Management - đối tác tham gia liên doanh với ngân hàng Sacombank thành lập công ty quản lý quỹ VFM) được thành lập vào năm 1994 theo mô hình định chế tài chính phi ngân hàng, với mục tiêu hoạt động tập trung vào thị trường tài chính và đầu tư Việt Nam. DCG đặt văn phòng đại diện ờ thành phố Hồ Chí Minh và có chi nhánh ở Hà Nội. Chiến lược chính của công ty là kết nối các nhà cung cấp vốn trong và ngoài nước với người sử dụng vốn trong nước thông qua việc cung cấp các dịch vụ tài chính phi ngân hàng.

DCG chịu trách nhiệm quản lý Quỹ đầu tư Vietnam Enterprise Investments Limited (VEIL), quỹ đầu tư dạng đóng tập trung vào thị trường Việt Nam và được niêm yết tại thị trường chứng khoán Dublin (Vương quốc Anh). Với tổng tài sản gần 2.000 tỷ đồng, đây là quỹ đầu tư nước ngoài lớn nhất tại Việt Nam, trong đó có hơn 150 tỷ đồng vốn đầu tư của Tập đoàn Tài chính quốc tế (IFC), công ty chịu trách nhiệm đầu tư thuộc Ngân hàng Thế Giới (World Bank). IFC cũng là cổ đông chính đầu tư vào Sacombank và DCG.

Trong lĩnh vực tài chính công ty, DCG đã hỗ trợ một số công ty Việt Nam trong việc phát triển vốn và tái cơ cấu công ty với nghiệp vụ chuyên môn là:

- Sắp xếp và bảo lãnh phát hành chứng khoán cho các doanh nghiệp CPH được phép bán cổ phiếu cho nhà đầu tư nước ngoài;
- Huy động vốn trên thị trường vốn quốc tế với mục đích duy nhất là đầu tư vào Việt Nam;

- Đầu tư và tư vấn về tài chính và quản trị doanh nghiệp cho các doanh nghiệp cổ phần (công ty cổ phần tư nhân và cổ phần hóa).

Nguyên tắc của DCG là cam kết cùng đầu tư và phát triển lâu dài tại Việt Nam. Hiện nay, DCG có một quá trình hoạt động có lợi nhuận liên tiếp trong chín (09) năm qua kể từ ngày thành lập, các báo cáo tài chính của DCG được kiểm toán hàng năm bởi công ty kiểm toán độc lập Ernst & Young.

Những người được nêu sau đây của công ty Liên doanh Quản lý Quỹ VFM tham gia trong việc cung cấp những dịch vụ quản lý và đầu tư cho Quỹ đầu tư VF1:

2.3. Hội đồng quản trị công ty quản lý quỹ VFM:

- Ông Đặng Văn Thành — Chủ Tịch (đại diện Sacombank)
- Ông Dominic Scriven — Phó Chủ tịch (đại diện Dragon Capital Management)
- Ông Nguyễn Tấn Thành — Ủy viên (đại diện Sacombank)
- Ông Phan Minh Tuấn — Ủy viên (đại diện Dragon Capital Management)

Dưới đây là thông tin tóm tắt về các thành viên trong HĐQT của công ty quản lý quỹ VFM.

Ông Đặng Văn Thành
Chủ tịch HĐQT

Năm 1991 ông Đặng Văn Thành trở thành ủy viên HĐQT Sacombank- một trong những người đứng ra thành lập và đưa Sacombank vào hoạt động và trở thành Chủ tịch HĐQT Sacombank từ năm 1995 cho đến nay. Ông Thành có hơn 20 năm kinh nghiêm trong lĩnh vực kinh doanh và tài chính ngân hàng. Ông Thành là người có sáng kiến xin NHNN cho phép phát hành cổ phiếu đại chúng của Sacombank với mệnh giá 200.000đ để dần đưa Sacombank từ một ngân hàng với số vốn chỉ có 23 tỷ đồng trở thành ngân hàng TMCP có vốn điều lệ lớn nhất Việt Nam.

Ông Dominic Scriven
Phó Chủ tịch HĐQT

Tốt nghiệp loại ưu về luật và xã hội học tại trường Exeter (Anh Quốc) năm 1985, Dominic đã có hơn 15 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư, trong đó 13 năm tại châu Á, đặc biệt là tại Hồng Kông và Việt Nam. Ông đã từng làm việc cho M&G Investment Management (niêm yết tại Luân Đôn), công ty Sun Hung Kai & Co (niêm yết tại Hồng Kông), và Ngân hàng đầu tư Citicorp. Trong những năm này, ông đã tham gia tích cực vào hoạt động quản lý, tài chính doanh nghiệp, và giao dịch chứng khoán tại phần lớn các thị trường vốn đang phát triển của các nước tại châu Á. Năm 1991, ông đến Việt Nam, học tiếng Việt tại trường ĐH Hà Nội hơn 18 tháng trước khi tham gia vào Tập đoàn Peregrine, đảm trách các hoạt động đầu tư cổ phần tư nhân và thị trường vốn tại Việt Nam. Năm 1994, ông

đồng sáng lập công ty Dragon Capital, đã huy động cho tới nay 100 triệu USD đầu tư vào các công ty Việt Nam, tham gia tích cực vào việc CPH doanh nghiệp và phát triển thị trường vốn. Với khả năng nói tiếng Việt, ông là thành viên HĐQT của một số công ty tại Việt Nam. Ông Dominic Scriven tham gia vào Công ty quản lý quỹ VFM với tư cách là Phó Chủ Tịch HĐQT.

Ông Nguyễn Tấn Thành
Ủy viên HĐQT

Ông Thành đã có hơn 25 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính, Ngân hàng, và Bảo hiểm. Hiện nay ông Thành là Chủ Tịch HĐQT Công ty Bảo hiểm Phi nhân thọ Viễn Đông - công ty bảo hiểm cổ phần tư nhân đầu tiên của Việt Nam. Ông từng là Trưởng Ban Kiểm soát và hiện nay là Phó Chủ tịch HĐQT Ngân hàng Sacombank.

Ông Phan Minh Tuấn
Ủy viên HĐQT

Ông Phan Minh Tuấn tốt nghiệp Trường Đại học Xây dựng Dân dụng Kharkov (Liên Bang Xô Viết cũ), vào năm 1976 với Bằng ưu trong ngành Xây dựng Dân dụng, và bằng Thạc sỹ khoa học năm 1982 từ Học Viện Delft tại Hà Lan. Từ năm 1976 đến năm 1989, ông là chuyên gia quản lý - cố vấn kỹ thuật trong một số dự án của Bộ Xây dựng tại Việt Nam. Năm 1989, Ông Tuấn là Giám đốc Dự án cho Phòng Thương Mại và Công Nghiệp Việt Nam (VCCI). Ông được VCCI bổ nhiệm làm đại diện tại BHP từ năm 1991 đến năm 1994. Vào năm 1994, ông Tuấn làm việc tại Peregrine Capital Việt Nam với chức vụ là Giám Đốc chi nhánh Hà Nội. Ông đã tham gia vào Dragon Capital và giữ vai trò Giám đốc kiêm Trưởng Đại diện công ty Dragon Capital tai Hà Nội. Ông Tuấn tham gia vào HĐQT Công ty quản lý quỹ VFM với tư cách là một Quản trị viên.

2.4. Ban điều hành công ty quản lý quỹ VFM

Ông Trần Thanh Tân	Tổng Giám Đốc
Bà Đỗ Sông Hồng	Phó Tổng Giám Đốc kiêm Giám đốc chi nhánh Hà Nội (Phụ trách đầu tư)
Ông Phạm Khánh Lynh	Giám Đốc Phát triển kinh doanh (Phụ trách huy động vốn)
Ông Nguyễn Ngọc Phước	Giám đốc tài chính (Phụ trách tài chính, kế toán và thanh toán)
Bà Thái Ngọc Minh Lý	Kiểm soát nội bộ (Phụ trách việc tuân thủ quy chế)

Dưới đây là lý lịch trích ngang của các thành viên trong Ban điều hành của công ty quản lý quỹ VFM

Ông Trần Thanh Tân
Tổng Giám Đốc

Ông Trần Thanh Tân nhận bằng MBA từ chương trình hợp tác đào tạo thạc sỹ quản trị của Trường Đại học Tự Do Brusselle (Bỉ) tại Việt Nam. Ông Tân đã có kinh nghiệm làm việc hơn 12 năm trong lĩnh vực đầu tư, chứng khoán, cổ phần hóa và thị trường vốn tại Việt Nam. Năm 1994, ông là một trong những người đứng ra thành lập công ty Dragon Capital Group và giữ chức vụ Giám đốc phụ trách đầu tư và thị trường vốn, trong quá trình đó ông đã tham gia vào nhiều thương vụ đầu tư thành công của công ty Dragon Capital tai Việt Nam như: Phát hành thành công 5 triệu USD trái phiếu chuyển đổi cho công ty cổ phần REE, tư vấn hoàn tất chương trình CPH cho gần 20 doanh nghiệp tại Việt Nam như: công ty cổ phần Hiệp An, công ty cổ phần Thức ăn Gia súc (Vifoco), công ty cổ phần Đồ Hộp Hạ long, công ty cổ phần Lafooco, công ty cổ phần Vận Tải Xăng Dầu, công ty cổ phần Chất Đốt Thành Phố, công ty cổ phần thủy sản số 4 và nhiều doanh nghiệp CPH của nhà nước và tư nhân khác, ngoài ra Ông Tân còn giữ nhiều vị trí quản trị cao cấp tại một số công ty cổ phần này.

Ông Tân được Công ty Dragon Capital cử sang làm Tổng Giám Đốc Công ty quản lý quỹ VFM.

Bà Đỗ Sông Hồng
Phó Tổng Giám Đốc – kiêm Giám đốc chi nhánh Hà Nội
Giám Đốc Đầu tư

Bà Đỗ Sông Hồng, hoàn tất bằng cao học về Tài chính tại trường Đại học Golden Gate, Thành phố San Francisco, Bang California (Hoa Kỳ) vào năm 2000. Bà Đỗ Sông Hồng đã từng tham gia làm việc tại Ngân hàng Sacombank từ năm 2000 đến nay. Trong thời gian làm việc tại Sacombank, bà Hồng từng phụ trách các chức vụ cao cấp tại các phòng ban khác nhau của hệ thống ngân hàng. Ngoài ra, bà Hồng còn có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực hoạt động về Tài chính, Đầu tư, CPH và Thị trường vốn tại Việt Nam.

Vào đầu vào tháng 8 năm 2003 Bà Đỗ Sông Hồng được ngân hàng Sacombank chính thức cử sang làm Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc chi nhánh Hà Nội kiêm Giám Đốc Đầu tư của công ty quản lý quỹ VFM.

Ông Phạm Khánh Lynh
Giám Đốc Phát Triển Kinh Doanh

Ông Phạm Khánh Lynh, Cao học Tài chính - Kế toán của Trường Đại học Swinburne (Úc). Từng là Giám đốc Giao dịch và Phát triển thị trường tại Công ty Chứng khoán Ngân hàng Á Châu (gọi tắt là ACBS), ông Lynh có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Kinh doanh và Đầu tư chứng khoán. Hiện nay ông Lynh tham gia vào Công ty quản lý quỹ VFM với tư cách là Giám đốc Phát triển kinh doanh từ tháng 8 năm 2003, ông chịu trách nhiệm chính trong việc huy động vốn cho quỹ đầu tư VF1. Với tư cách là Giám Đốc phát triển kinh doanh, ông Lynh có trách nhiệm xây dựng và phát triển các sản phẩm tài chính mới cũng như sắp xếp các thương vụ đầu tư của công ty quản lý quỹ VFM.

Ông Nguyễn Ngọc Phước
Giám Đốc Tài chính

Ông Nguyễn Ngọc Phước tốt nghiệp chuyên ngành Kế toán - Kiểm toán tại trường Đại học kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh. Với hơn 5 năm kinh nghiệm thực tiễn trong lĩnh vực Kế toán - Kiểm toán, ông Phước đã từng trải qua các vị trí kiểm toán viên độc lập tại công ty Kiểm toán Quốc tế KPMG và kế toán quản trị tại Tập đoàn Schlumberger (Hoa Kỳ) tại Việt Nam. Ông Phước giữ chức vụ Giám đốc Tài chính tại công ty quản lý quỹ VFM từ tháng 8 năm 2003 với trách nhiệm xây dựng một chính sách tài chính lành mạnh trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực và các quy định pháp luật có liên quan nhằm đảm bảo tính trung thực và hợp lý của các báo cáo tài chính, cung cấp thông tin đáng tin cậy phục vụ cho việc đề ra các quyết định của người đầu tư.

Bà Thái Ngọc Minh Lý
Kiểm soát nội bộ

Bà Thái Ngọc Minh Lý tốt nghiệp Cử nhân Luật chuyên ngành Luật Thương mại tại trường Đại học Luật Tp.HCM. Với kinh nghiệm làm việc tại Phòng Kiểm tra nội bộ của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín và đã từng đảm nhiệm vai trò Điều phối viên cho các chuyên gia nước ngoài của Công ty Tài chính Quốc tế (IFC) - một bộ phận của Ngân hàng Thế giới (WB) - thực hiện chương trình hỗ trợ kỹ thuật cho Ngân hàng Sacombank, bà Lý sẽ giữ vị trí giám sát việc tuân thủ quy chế của các hoạt động của Quỹ đầu tư VF1 đồng thời bảo đảm tính đúng đắn, tính tuân thủ của các thương vụ đầu tư của Quỹ.

2.5. Hội đồng Cố vấn Đầu tư

Ông Mark ST Giles
Cố vấn cao cấp công ty VFM
Đặc trách về công ty quản lý quỹ và quỹ đầu tư

Sáng lập viên Cadogan Financial, công ty tư vấn hàng đầu trong lĩnh vực quản lý Tài sản, quản lý Quỹ tại Anh Quốc
Giữ nhiều chức vụ quan trọng trong các hiệp hội về tài chính: Chủ tịch hiệp hội Quỹ đầu tư của Anh Quốc, Chủ tịch Liên đoàn các công ty và Quỹ đầu tư của Châu Âu, Chủ tịch Hiệp hội các Tổ chức môi giới Tài chính

Ông John Shrimpton
Cố vấn cao cấp công ty VFM
Đặc trách nhà đầu tư nước ngòai

Tốt nghiệp danh dự về luật học tại đại học Newcastle, Anh quốc
Hơn 17 năm kinh nghiệm trong lãnh vực đầu tư tại Á Châu
Sáng lập viên kiêm giám đốc Dragon Capital
Từng giữ chức vụ cao cấp tại các công ty: Bishop Cavanagh, W.I. Carr Far East, Dynamic Eastern Finance và HSBC James Capel Asia.
Hiện đang giữ chức vụ Giám đốc công ty Dragon Capital.

Ông Alex Pasikowski
Cố vấn cao cấp công ty VFM
Đặc trách đầu tư chứng khóan niêm yết

Tốt nghiệp hạng ưu về kinh doanh thương mại, Úc
Hơn 18 năm kinh nghiệm trong ngành chứng khoán, trong đó 17 năm làm việc tại Á Châu
Từng giữ nhiều chức vụ cao cấp khác nhau tại: Morgan Dtanley NY và London, Swiss Bank HK, Lehman Brothers HK và Deutsche Securities HK.
Hiện đang giữ chức vụ Giám đốc công ty Dragon Capital.

Ông Lê Anh Minh
Thường trực hội đồng đầu tư công ty VFM
Đặc trách đầu tư chứng khoán chưa niêm yết

Nghiên cứu sinh Fullbright, tốt nghiệp Cao học Quản trị kinh doanh tại trường Wharton, Đại học Pennsylvania, Hoa kỳ. Ông Minh có 12 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng và đầu tư tại Việt Nam.

Từng giữ nhiều chức vụ cao cấp tại Ngân hàng Thương Mại cổ phần, công ty tài chính của Hồng Kông và gần nhất là Giám đốc Tài Chính Công ty Coca Cola Việt Nam. Hiện đang giữ chức vụ Giám đốc công ty Dragon Capital, phụ trách bộ phận Tài chính công ty.

2.6. Địa chỉ liên lạc

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ tại địa chỉ sau:

Trụ sở chính Công ty liên doanh quản lý quỹ VFM tại Thành phố Hồ Chí Minh
Lầu 8 - Tòa nhà Bitexco
19-25 Nguyễn Huệ- P. Bến Nghé - Quận 1
TP. HCM - Việt Nam.

Tel : (848) 914 3393
Fax : (848) 914 3392
Email : info@vinafund.com
Website : www.vinafund.com

Địa chỉ liên hệ tại chi nhánh VFM Hà Nội
#1505 - Tòa nhà VietcomBank
198 Trần Quang Khải - Quận Hoàn Kiếm
Hà Nội - Việt Nam.

Tel : (844) 936 1613
Fax : (844) 936 0204
Email : vfmhanoi@vinafund.com
Website : www.vinafund.com

3. Ngân hàng giám sát

Vai trò ngân hàng giám sát làm chức năng bảo quản, lưu ký các chứng khoán, các hợp đồng kinh tế, các chứng từ có liên quan đến tài sản của Quỹ đầu tư VF1 do ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) thực hiện. Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam là một trong những ngân hàng quốc doanh có uy tín nhất Việt Nam trong các hoạt động tài chính ngân hàng và là ngân hàng thương mại dẫn đầu trong lĩnh vực tín dụng ngân hàng tại Việt Nam. Các điều khoản và điều kiện có liên quan đến việc cung cấp dịch vụ của ngân hàng giám sát cho Quỹ đầu tư VF1 được trình bày chi tiết tại "Hợp đồng giám sát".

4. Công ty kiểm toán

Việc kiểm toán hàng năm tài sản của Quỹ đầu tư VF1 và hoạt động quản lý của công ty quản lý Quỹ VFM để đảm bảo tính chính xác các số liệu báo cáo cho người đầu tư sẽ do công ty kiểm toán Ernst & Young Việt Nam đảm nhận. Công ty Ernst & Young là công ty kiểm toán quốc tế 100% vốn nước ngoài đầu tiên tại Việt Nam và là một trong bốn công ty kiểm toán hàng đầu và lớn nhất thế giới.

5. Công ty tư vấn luật

Nhằm bảo đảm cho hoạt động đầu tư của Quỹ đầu tư VF1 theo đúng các quy định của UBCKNN và luật pháp đồng thời giám sát, quản lý chặt chẽ nhằm giảm thiểu rủi ro và bảo vệ lợi ích của người đầu tư, các hoạt động đầu tư của Quỹ đầu tư VF1 sẽ được công ty Luật VILAF - Hồng Đức tư vấn. VILAF - Hồng Đức là một trong những công ty luật chuyên về thương mại đầu tiên của Việt Nam được đánh giá cao trong lĩnh vực ngân hàng và tư vấn những thương vụ tài chính lớn. Hầu hết những luật sư của VILAF - Hồng Đức đã từng làm việc tại các văn phòng của những công ty luật quốc tế nổi tiếng ở Việt Nam.

VIII. CÁC THÔNG TIN VỀ QUỸ ĐẦU TƯ VF1

1. Quá trình thành lập

Quỹ đầu tư VF1 được cấp giấy phép thành lập và phát hành chứng chỉ quỹ đầu tư ra công chúng vào ngày 24 tháng 03 năm 2004 bởi UBCKNN căn cứ theo Nghị định 144-2003/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2003 về chứng khoán và TTCK và các văn bản pháp lý có liên quan. Quỹ đầu tư VF1 là một quỹ đóng và hoạt động với tư cách pháp lý trên cơ sở của Nghị định về chứng khoán và TTCK và các hệ thống luật pháp Việt Nam hiện hành.

2. Lịch trình huy động vốn

Quỹ đầu tư VF1 dự kiến huy động trong đợt đầu là 300 tỷ đồng được chia thành 30.000.000 đơn vị quỹ với mệnh giá là 10.000 đồng/đơn vị quỹ.

Trong thời gian 90 ngày kể từ ngày Quỹ đầu tư VF1 được UBCKNN cấp phép, công ty quản lý quỹ VFM với tư cách là đại diện phát hành của Quỹ đầu tư VF1 sẽ thực hiện việc phát hành chứng chỉ Quỹ đầu tư VF1 ra công chúng.

Ngoài ra, khi điều kiện cho phép, đặc biệt khi TTCK Việt Nam phát triển đủ lớn, Quỹ đầu tư VF1 sẽ tiến hành huy động đợt hai và những đợt tiếp theo, dự kiến việc huy động đợt hai có thể sau được thực hiện khoản 1 (một) năm sau ngày Quỹ đầu tư VF1 này chính thức đi vào hoạt động.

3. Quyền và nghĩa vụ của người đầu tư

Người đầu tư nắm giữ chứng chỉ Quỹ đầu tư VF1 có các quyền sau đây:

- Hưởng lợi từ hoạt động đầu tư của quỹ tương đương với tỷ lệ góp vốn của mình;
- Được quyền chuyển nhượng chứng chỉ quỹ đầu tư thông qua TTCK;
- Được quyền tham gia biểu quyết mọi vấn đề có liên quan đến Quỹ đầu tư VF1, ngoài ra người nắm giữ chứng chỉ quỹ đầu tư cũng được quyền ủy quyền hoặc nhận ủy quyền từ các người đầu tư khác để thực hiện các nghĩa vụ và quyền lợi của mình và của người ủy quyền (nếu có) tại Đại hội người đầu tư hàng năm.

Người đầu tư có các nghĩa vụ:

- Tuân thủ điều lệ quỹ, chấp hành nghị quyết của Đại hội người đầu tư;

- Thanh toán đầy đủ tiền mua chứng chỉ quỹ và chịu trách nhiệm về và các nghĩa vụ tài sản khác của quỹ trong phạm vi số vốn đã góp;
- Người đầu tư không được phép:
  - Trực tiếp thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với các tài sản trong danh mục đầu tư của quỹ;
  - Yêu cầu công ty quản lý quỹ, tổ chức bảo quản tài sản quỹ trình sổ sách hoặc thư từ giao dịch, ngoại trừ tại Đại hội người đầu tư.

Các vấn đề có liên đến quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm được chi tiết hóa tại "Bản điều lệ của Quỹ đầu tư VF1"

4. Tính chất của Quỹ đầu tư VF1

Vì tính chất của Quỹ đầu tư VF1 là quỹ đóng, do đó Quỹ đầu tư VF1 không chịu trách nhiệm phải mua lại cổ phần mà Quỹ đầu tư VF1 đã phát hành cho dù có sự yêu cầu từ một người đầu tư nào đó. Tuy nhiên, để tạo thanh khoản cho chứng chỉ Quỹ đầu tư VF1 và theo đúng quy định của nghị định về chứng khoán và TTCK, công ty quản lý quỹ VFM sẽ làm thủ tục để niêm yết Quỹ đầu tư VF1 trên Trung Tâm Giao Dịch Chứng Khoán TP.HCM trong thời gian sớm nhất và như vậy người đầu tư có thể mua bán chứng chỉ Quỹ đầu tư VF1 khi có nhu cầu thông qua TTCK.

5. Các báo cáo tài chính

Năm tài chính của Quỹ đầu tư VF1 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 và các báo cáo tài chính Quỹ đầu tư VF1 vào các năm sẽ được gửi đến Trung Tâm Giao Dịch chứng khoán TP.HCM và cho từng người đầu tư trong thời gian sớm nhất nhưng không vượt quá ba tháng sau khi năm tài chính trước kết thúc. Ngoài ra, việc gửi một bảng báo cáo 6 tháng đầu năm về tình hình hoạt động của Quỹ đầu tư VF1 cũng được thực hiện như trên. Tất cả các bản báo cáo tài chính đều được viết bằng tiếng Việt và tiếng Anh (bản tiếng Việt sẽ được gửi cho người đầu tư trong nước và bản tiếng Anh sẽ được gửi cho người đầu tư nước ngoài). Ngoài ra các người đầu tư cũng nhận được các báo cáo định kỳ hàng tháng của công ty quản lý quỹ VFM và ngân hàng giám sát về các hoạt động nói chung. Đặc biệt, báo cáo định kỳ hàng tháng về giá trị tài sản ròng của Quỹ đầu tư VF1 cũng được phát hành bởi ngân hàng giám sát và báo cáo này là cơ sở để các người đầu tư giao dịch chứng chỉ quỹ đầu tư của mình trên TTCK.

6. Điều lệ của Quỹ đầu tư VF1

Điều lệ của Quỹ đầu tư VF1 gồm các điều khoản được quy định chi tiết tại điều lệ của Quỹ đầu tư VF1, trong khuôn khổ của bản cáo bạch này chỉ đề cập đến những điểm chính yếu như sau:

- **Các điều khoản chung**
- Tên và địa chỉ liên hệ
- Mục tiêu
- Thời hạn hoạt động
- Nguyên tắc tổ chức
- Tổng vốn huy động và số lượng chứng chỉ quỹ phát hành
- Chỉ định đại diện huy động vốn và phát hành chứng chỉ quỹ
- **Các qui định về mục tiêu, chính sách và hạn chế đầu tư**
- Mục tiêu đầu tư

- Chính sách đầu tư
- Hạn chế đầu tư

▪ **Người đầu tư, sổ đăng ký sở hữu chứng chỉ và chuyển nhượng chứng chỉ quỹ đầu tư**

- Người đầu tư
- Quyền và nghĩa vụ của người đầu tư
- Sổ đăng ký sở hữu chứng chỉ Quỹ đầu tư VF1
- Chuyển nhượng chứng chỉ quỹ đầu tư
- Thừa kế chứng chỉ quỹ đầu tư

▪ **Phân phối kết quả hoạt động**

- Phương thức phân phối lợi nhuận của quỹ
- Giải pháp cho vấn đề thua lỗ của quỹ

▪ **Đại hội người đầu tư**

- Đại hội người đầu tư thường niên
- Đại hội người đầu tư bất thường
- Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội người đầu tư
- Thể thức tiến hành Đại hội người đầu tư
- Quyết định của Đại hội người đầu tư

▪ **Ban đại diện Quỹ**

- Tổ chức Ban đại diện Quỹ
- Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban đại diện Quỹ
- Quyền hạn và nhiệm vụ của Ban đại diện Quỹ
- Chủ tịch Ban đại diện Quỹ
- Thủ tục điều hành của Ban đại diện Quỹ
- Đình chỉ và bãi miễn thành viên Ban đại diện Quỹ
- Người đại diện cho thành viên Ban đại diện Quỹ
- Biên bản họp Ban đại diện Quỹ

▪ **Tiêu chí lựa chọn và trách nhiệm và quyền hạn của công ty quản lý quỹ**

- Tiêu chuẩn lựa chọn Công ty Quản lý quỹ
- Trách nhiệm và quyền hạn của Công ty quản lý quỹ
- Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với công ty Quản lý quỹ
- Hạn chế hoạt động của công ty quản lý Quỹ

▪ **Tiêu chí lựa chọn và trách nhiệm và quyền hạn của ngân hàng giám sát**

- Tiêu chuẩn lựa chọn Ngân hàng giám sát
- Trách nhiệm và quyền hạn của Ngân hàng giám sát
- Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với ngân hàng giám sát

▪ **Kiểm toán, kế toán và chế độ báo cáo**

(xem chi tiết điều lệ của Quỹ đầu tư VF1 đính kèm bản cáo bạch)

7. Lưu giữ hồ sơ

Bản sao của những tài liệu dưới đây luôn sẵn có cho việc tham khảo hoặc kiểm tra trong giờ làm việc bình thường trong thời gian 14 (mười bốn) ngày từ ngày của Bản cáo bạch được phát hành, địa chỉ có thể nhận các tài liệu để tham khảo tại trụ sở chính của công ty quản lý quỹ VFM hoặc chi nhánh tại Hà Nội tại địa chỉ sau:

Trụ sở chính Công ty liên doanh quản lý quỹ VFM tại Thành phố Hồ Chí Minh
Tầng 8 - Tòa nhà Bitexco
19-25 Nguyễn Huệ - Phường Bến Nghé - Quận 1
TP. HCM - Việt Nam.

Tel : (848) 914 3393
Fax : (848) 914 3392
Email : info@vinafund.com
Website : www.vinafund.com

Chi nhánh VFM tại Hà nội
Tầng 15 – Phòng 1505 - Tòa nhà VietcomBank
198 Trần Quang Khải - Quận Hoàn Kiếm
Hà Nội - Việt Nam.

Tel : (844) 936 1613
Fax : (844) 936 0204
Email : vfmhanoi@vinafund.com
Website : www.vinafund.com

Ngoài ra, các người đầu tư có tham khảo các tài liệu phát hành của Quỹ đầu tư VF1 tại công ty Luật VILAF Hồng Đức và các công ty chứng khoán HSC, SSI và VCBS hoặc trên trang web của công ty theo địa chỉ: www.vinafund.com

Các tài liệu có thể tham khảo bao gồm:

- Đơn xin phép lậpQuỹ đầu tư chứng khoán và phát hành chứng chỉ quỹ ra công chúng của Quỹ đầu tư VF1;
- Bản Cáo bạch;
- Dự thảo Điều lệ Quỹ đầu tư VF1;
- Thỏa thuận Giám sát;
- Dự thảo Hợp đồng giám sát;
- Cam kết không chuyển nhượng chứng chỉ quỹ đầu tư của thành viên sáng lập;
- Các văn bản pháp lý có liên quan;
- Các biểu mẫu có liên quan.

IX. PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH CHỨNG CHỈ QUỸ ĐẦU TƯ VF1

1. Căn cứ pháp lý

Việc phát hành chứng chỉ quỹ đầu tư và các vấn đề liên quan chịu sự điều chỉnh chủ yếu của:

- Nghị định số 144-2003/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2003 của Chính Phủ về chứng khoán và TTCK,
- Các thông tư, quyết định có liên quan đến việc phát hành chứng khoán, quỹ đầu tư, công ty quản lý quỹ đầu tư do UBCKNN và các cơ quan hữu quan phát hành,
- Các văn bản pháp lý có liên quan khác.

2. Phương án phát hành

- Thời gian phát hành : từ ngày 24/03/2004.
- Giá phát hành : 10.300 đồng/đơn vị quỹ

- Số lượng đăng ký tối thiểu : 1.000 đơn vị quỹ
- Thứ tự ưu tiên :

- Ưu tiên về thời gian nộp tiền mua chứng chỉ quỹ vào Ngân hàng giám sát Vietcombank,
- Ưu tiên về số lượng đăng ký mua,
- Ưu tiên cho Nhà đầu tư Đặc quyền,
- Ưu tiên về thời gian đăng ký mua.

- Phương thức thanh toán : Tiền mặt (đồng Việt Nam hoặc ngoại tệ), chuyển khoản vào tài khoản của quỹ VF1 tại Ngân hàng Giám sát.

- Tiền mặt được nộp hoặc chuyển khoản cho:

  Đơn vị thụ hưởng **QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM (VF1)**

  Số tài khoản : **0071 001 999 001**

  Mở tại : Ngân hàng Vietcombank

  Nội dung : Mua chứng chỉ Quỹ đầu tư VF1

  Trong trường hợp thanh toán bằng ngoại tệ thì được chuyển đổi sang tiền đồng Việt Nam theo tỷ giá tại thời điểm thanh toán của Ngân hàng Vietcombank.

- Địa điểm phát hành : Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam.

  - Trụ sở chính:
    Lầu 8, Tòa nhà Bitexco. 19-25 Nguyễn Huệ, Quận 1
    Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

  - Chi nhánh Hà Nội :
    Phòng 1505, Tòa nhà Vietcombank, 198 Trần Quang Khải
    Hà Nội, Việt Nam

3. Các đối tác có liên quan đến việc phát hành

- Tổ chức phát hành : Quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam (VF1)
- Đại diện phát hành : Công ty LD Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Việt Nam (VFM)
- Công ty tư vấn luật : Công ty Luật Hồng Đức (VILAF)
- Công ty kiểm toán : Công ty Ernst &Young
- Ngân hàng giám sát : Ngân hàng Vietcombank

X. TÓM TẮT CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN

- Tổ chức phát hành : Quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam (VF1)
- Hình thức của quỹ : Quỹ đóng
- Quy mô huy động : 300 tỷ đồng Việt Nam
- Số lượng phát hành : 30.000.000 đơn vị quỹ
- Mệnh giá : 10.000 đồng/ đơn vị quỹ
- Giá phát hành : 10.300 đồng/ đơn vị quỹ

- Số lượng đăng ký tối thiểu : 1.000 đơn vị quỹ
- Thời hạn của quỹ : 10 năm
- Đơn vị tiền tệ : đồng Việt Nam
- Hình thức sở hữu : Ghi sổ hoặc lưu ký điện tử
- Ngày phát hành : Ngày 24 tháng 03 năm 2004
- Ngày đóng quỹ : Trong vòng 30 ngày kể từ ngày phát hành; trong trường hợp Quỹ đầu tư VF1 đã nhận đủ 300 tỷ đồng từ người đầu tư thì ngày đóng quỹ sẽ được kết thúc sớm hơn dự kiến.
- Luật điều chỉnh : Luật pháp Việt Nam
- Ngân hàng giám sát : Ngân hàng Vietcombank
- Công ty tư vấn luật : Công ty Luật Hồng Đức (VILAF)
- Công ty kiểm toán : Công ty Ernst & Young
- Cơ cấu đầu tư vốn : 60% đầu tư vào chứng khoán
  40% các loại đầu tư khác

XI. PHỤ LỤC

1. Đơn xin phép thành lập Quỹ đầu tư chứng khoán và phát hành chứng chỉ quỹ ra công chúng của Quỹ đầu tư VF1;
2. Dự thảo Điều lệ Quỹ đầu tư VF1;
3. Thỏa thuận Giám sát;
4. Dự thảo Hợp đồng giám sát;
5. Cam kết không chuyển nhượng chứng chỉ quỹ đầu tư của thành viên sáng lập;
6. Các văn bản pháp lý có liên quan;
7. Lý lịch trích ngang của thành viên HĐQT và Ban TGĐ công ty quản lý quỹ VFM;
8. Các biểu mẫu có liên quan;